

**DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA TÀI**

<b>H và tên</b>	<b>L p</b>
1. Phạm Võ Huyền Mai	K50B KH T
2. Hà Thị Phương Thảo	K50 KT&QL TNMT
3. Nguyễn Thanh Hà	K50B KH T

Trường Đại học Kinh tế Huế

## DANH MỤC CÁC CHỮ VI TẮT

Chữ viết tắt	Giải thích
CNH - H H	: Công nghiệp hóa – hiện đại hóa
CSHT	: Cơ sở hạ tầng
CS	: Chính sách ưu đãi
CSXTTMVU M	: Chính sách xúc tiến thương mại và ưu đãi Marketing
KTN	: Khu vực kinh tế nông thôn
FDI	: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
GPMB	: Giấy phép môi trường
GRDP	: Tổng sản phẩm trên địa bàn
HTDV	: Hệ thống dịch vụ
KCN	: Khu công nghiệp
L	: Lào
MT T	: Môi trường
N	: Nghề nghiệp
ODA	: Vốn đầu tư vì phát triển chính thức
QH KCN	: Quy hoạch khu công nghiệp
QLCNNDVKCN	: Quy hoạch nhà cửa và khu công nghiệp
THPTKTXH	: Tình hình phát triển kinh tế - xã hội
TTHC	: Thủ tục hành chính
UBND	: Ủy ban nhân dân
V T	: Vốn đầu tư
VT L	: Vị trí địa lý

THÔNG TIN K T QU NGHIÊN C U TÀI  
KHOA H C VÀ CÔNG NGH C P C S

1. Thông tin chung

- a. Tên tài: THU HÚT U T VÀO CÁC KHU CÔNG NGH I P T NH QU NG NAM
- b. Mã s tài: SV2018-01-04
- c. Ch nhi m tài: Ph m Võ Huy n Mai
- d. C quan ch trì: Tr ng i h c Kinh t - i h c Hu
- e. Th i gian th c hi n: Tháng 01/2018 n tháng 12/2018

2. M c tiêu nghiên c u

2.1 M c tiêu t ng quát

Tìm hi u th c tr ng thu hút v n u t c a các khu công nghi p t nh Qu ng Nam hi n nay ng th i kh o sát các y u t nh h ng n thu hút v n u t . T ó a ra m t s gi i pháp nh m thu hút u t vào các khu công nghi p trong th i gian t i.

2.2 M c tiêu c th

- H th ng hóa c s lý lu n và th c ti n v v n thu hút u vào khu công nghi p.

- Tìm hi u th c tr ng thu hút u t vào các khu công nghi p Qu ng Nam, c th là khu công nghi p i n Nam – i n Ng c, khu công nghi p ông Qu S n, khu công nghi p Thu n Yên. Kh o sát m c nh h ng c a các y u t nh h ng n thu hút v n u t vào các khu công nghi p nói trên.

- xu t m t s gi i pháp nh m góp ph n y m nh thu hút u t v n vào các khu công nghi p t nh Qu ng Nam c th là khu công nghi p i n Nam – i n Ng c, khu công nghi p ông Qu S n, khu công nghi p Thu n Yên trong th i gian t i.

3. Tính m i và sáng t o

- ánh giá th c tr ng u t vào các khu công nghi p t nh Qu ng Nam trong giai o n 2015 -2017.

- Xác nh nh ng thu n l i và khó kh n trong quá trình thu hút v n u t , t ó phân tích nh ng y u t nh h ng n quá trình thu hút v n u t vào các khu công nghi p t nh Qu ng Nam.

- xu t ra các gi i pháp nh m nâng cao thu hút v n u t vào các khu công nghi p t nh Qu ng Nam. a ra k t lu n và ki n ngh nh m y m nh thu hút v n u t .

4. Các k t qu nghiên c u thu c

- ánh giá tình hình u t vào các khu công nghi p t nh Qu ng Nam t ó nh n nh c nh ng khó kh n, thu n l i và phân tích nh ng y u t nh h ng trong quá trình thu hút v n u t .

- xu t gi i pháp và ki n ngh nh m y m nh thu hút v n u t vào các khu công nghi p t nh Qu ng Nam góp ph n t ng tr ng kinh t - xã h i a ph ng.

5. Các s n ph m c a tài

Báo cáo phân tích tình hình thu hút u t vào các khu công nghi p t nh Qu ng Nam.

6. óng góp v m t kinh t - xã h i, giáo d c và ào t o, an ninh, qu c phòng và kh n ng áp d ng c a tài:

- Là tài li u tham kh o cho các b n sinh viên sau này.

Ngày ..... tháng ..... n m 20....

**Giáo viên h ng d n**

Ngày ..... tháng ..... n m 20....

**Sinh viên ch u trách nhi m  
chính c a tài**

Tr ng

ai hoc Kinh tế Huê

## PHỤ LỤC

### I. TÍNH CẤP THIẾT CỦA TÀI

Trong thời kỳ nền kinh tế công nghiệp hóa – hiện đại hóa (CNH – HĐH), các nước trên thế giới đều có xu hướng đẩy mạnh phát triển nền kinh tế thị trường. Đặc biệt, trọng tâm chính là thu hút vốn đầu tư vào kinh tế nói chung hay thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp nói riêng là vấn đề quan tâm. Thu hút vốn đầu tư, nhất là vốn nước ngoài, làm sao cho có hiệu quả và bền vững là mục tiêu phát triển nền kinh tế theo con đường CNH - HĐH. Đó là vấn đề trọng tâm.

Quảng Nam là một trong những tỉnh có vị thế phát triển kinh tế nhanh chóng trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, với nhiều tiềm năng, lợi thế đi đầu cùng hệ thống kết cấu hạ tầng cơ sở. Phía Bắc tiếp giáp thành phố Đà Nẵng và hành lang kinh tế Đông - Tây, phía Nam tiếp giáp Khu công nghiệp Dung Quất và thành phố Quảng Ngãi. Nơi đây có nguồn lao động dồi dào, cơ sở dân cư và chất lượng nguồn nhân lực tương đối tốt. Ngoài ra, Quảng Nam còn có 19 khu công nghiệp, đặc biệt nhất là khu công nghiệp Chu Lai. Có thể nói Quảng Nam là vùng trọng điểm vàng, nơi mà các nhà đầu tư trong và ngoài nước tìm kiếm rót vốn của mình vào đó với mong muốn sẽ nâng cao nguồn vốn lên.

Vì vậy, với nghiên cứu: “**Thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp tại tỉnh Quảng Nam**” sẽ góp phần trong việc xác định các trọng tâm thu hút và các giải pháp nhằm nâng cao nguồn vốn đầu tư vào các khu công nghiệp tại tỉnh Quảng Nam.

### II. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

#### 2.1 Mục tiêu tổng quát

Tìm hiểu thực trạng thu hút vốn đầu tư của các khu công nghiệp tại tỉnh Quảng Nam hiện nay, đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp trong thời gian tới.

#### 2.2 Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về vấn đề thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp.

- Tìm hiểu thực trạng thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp tại tỉnh Quảng Nam, đặc biệt là khu công nghiệp Tiên Nam – Tiên Phước, khu công nghiệp Đông Quế Sơn, khu công nghiệp Thuận Yên. Phân tích mức độ ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp nói trên.

- Xu t m t s gi i pháp nh m góp ph n y m nh thu hút u t v n vào các khu công nghi p t nh Qu ng Nam c th là khu công nghi p i n Nam – i n Ng c, khu công nghi p ông Qu S n, khu công nghi p Thu n Yên trong th i gian t i.

### **III. I T NG VÀ PH M VI NGHIÊN C U**

#### **3.1 i t ng nghiên c u**

Thu hút u t vào các khu công nghi p t nh Qu ng Nam, c th là KCN i n Nam – i n Ng c, KCN ông Qu S n, KCN Thu n Yên.

#### **3.2 Ph m vi nghiên c u**

- V không gian: Tìm hi u tình hình thu hút v n u t vào các khu công nghi p t nh Qu ng Nam.

- Th i gian nghiên c u: giai o n 2015 - 2017.

### **IV. PH NG PHÁP NGHIÊN C U**

#### **4.1 Ph ng pháp thu th p s li u**

- Ph ng pháp thu th p s li u th c p: s li u th c p c thu th p thông qua Niên giám th ng kê t nh Qu ng Nam và báo cáo c a Ban qu n lý khu công nghi p và c a S k ho ch u t t nh Qu ng Nam; các báo cáo chuyên , bài báo trên các t p chí;, sách, tài li u internet....

- Ph ng pháp thu th p s li u s c p: c t ng h p t các b ng h i ã có s n t i n hành i u tra các khu công nghi p t nh Qu ng Nam. V i s m u i u tra là 40 m u c t i n hành kh o sát trên 3 KCN nh i n Nam – i n Ng c, ông Qu S n, Thu n Yên; i t ng i u tra ch y u là các giám c, k toán và nhân viên c a các doanh nghi p trên các khu công nghi p nói trên v i m i doanh nghi p ch kh o sát m t b ng h i.

#### **4.2 Ph ng pháp x lý s li u**

- Ph ng pháp x lý s li u: s li u th c p c t ng h p và x lý b ng MS. Excel 2010 bên c nh ó còn s d ng ph n m m SPSS23 x lý s li u s c p t các b ng h i thu th p c i u tra làm rõ n i dung nghiên c u.

#### **4.3 Ph ng pháp phân tích s li u:**

- Ph ng pháp th ng kê: Th ng kê các s li u, tài li u, báo cáo tình hình phát tri n kinh t c a các khu công nghi p và các s li u, tài li u khác liên quan, t ó th hi n s li u qua h th ng b ng bi u và phân tích s li u.

- Phương pháp so sánh: So sánh giá trị tình hình thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp trong các nhà KCN Bắc Ninh, KCN Hà Nội, KCN Hưng Yên, KCN Quảng Nam.

- Phương pháp phân tích: Phân tích chi tiết số liệu, có cái nhìn tổng quan về tình hình thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp tại nhà Quãng Nam.

Trường Đại học Kinh tế Huế

**Phần II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

Chương 1: CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Chương 2: THỰC TRẠNG THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH QUẢNG NAM

Chương 3: NHU CẦU VÀ MÔ TẢ GIẢI PHÁP NHẢY TĂNG CƯỜNG THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH QUẢNG NAM

Trường Đại học Kinh tế Huế



# CHƯƠNG 1: C S KHOA H C V THU HÚT V N U T VÀO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

## 1.1 Khái niệm và phân loại v n u t

### 1.1.1 Khái niệm v n u t

Theo giáo trình kinh tế v n u t , v n u t c ã nh ngh ã nh sau: “*V n u t là ph ãn tích lu c ã xã h ãi, c ã các c s s n xu t kinh doanh - d ch v , là t ãn t ãi t k ãi m c ã dân và v n huy ãng t ã các ngu n khác nhau ã vào s ã d ãng trong quá trình tái s ãn xu t xã h ãi, nh ãm duy trì t ãi m l c s n có và t ão ra t ãi m l c l ãnh n cho ho t ãng s ãn xu t, kinh doanh, d ch v , sinh ho t xã h ãi và sinh ho t cho m ãi gia ãnh.*”

Hay theo ãi u 3, lu t v n u t , có ã nh ngh ã : “*V T là t ãn và các tài s ãn h p pháp khác ã th c ãi n các ho t ãng u t theo hình th c u t tr c ãi p ho c gián t ãi p*”.

Có th ãi u r ãng: *Thu hút v n u t là nh ãng ho t ãng hay các chính sách c ã ã ph ãng, c ã vùng, c ã lãnh th ãnh m ã ra các ãi u k ãn thu n l ãi thu hút các ãnh ã u t u t v n vào quá trình ho t ãng s ãn xu t nh ãm êm l ãi s ã phát tri n và t ãng tr ãng kinh t c ã ã ph ãng, vùng hay lãnh th ã.*

Nói cách khác: *V n u t là toàn b ã các chi phí mà ãnh ã u t b ã ra nh ãm m c ãi c ã u t và phát tri n c ã ngu n v n ó.*

### 1.1.2 Phân loại v n u t

thu hút c v n u t nh ãm góp ph ãn t ãng tr ãng kinh t và s ã phát tri n c ã vùng, c ã ã ph ãng hay lãnh th ã thì c ãn phân lo ãi chính xác t ãng ngu n v n u t và ãnh giá úng s ã quan tr ãng c ã ngu n v n ó nh ã th ã nào. C ãn c ãng ãng c v n u t thì ã ã chia v n u t thành 2 lo ãi ó là v n u t trong ãn c và v n u t ãn c ngoài.

\* *V n u t trong ãn c*: bao g ãm 5 lo ãi

- *V n ãng ã sách ãnh ãn c*: là lo ãi v n c l y t ãng ãng ã sách ãnh ãn c hình thành t ã các lo ãi thu , phí, các kho ãn thu t ho t ãng c ã các thành ph ãn kinh t ãnh ãn c, t ã vay v ãn tr ã ã ã ãn c ngoài, vay trên th ã tr ãng v n qu c t , vay trong dân ã ã trên v ã c ã phát ãnh các lo ãi trái phi u Chính ph ã. H ãng u tiên c ã ngu n v n ãy ó chính là dành cho các ã ãn ã u t công c ãng, x ãy ã ãng h ã th ãng c s h t ãng, phát tri n m ã ãnh ãn , phát tri n ngu n l c ho c u t ã phát tri n cho các vùng, ã ph ãng hay lãnh th ã.

- *V n t ãn ã ãng ãnh ãn c*: là ngu n v n mang t ãnh hoàn tr ã trong ó ãnh ãn c là ãng ãi ãi vay ãm b ão các kho ãn chi c ã ãng ãng ã sách, ãng th ãi còn ãm b ão ch c ãn ãng qu n lý và ãi u t ãi t v ãm ã, khuy ãn kh ãch phát tri n kinh t xã h ãi c ã ãng ãnh, vùng ã ph ãng theo chỉ ãn l c ã ã ãnh ãnh ãng mu ãn.

- **Vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước:** Nguồn vốn của loại doanh nghiệp mà Nhà nước có vốn góp, nguồn vốn này bao gồm như sau: các doanh nghiệp, ngân sách nhà nước cấp, các quỹ đầu tư, vốn vay từ ngân hàng thương mại, cán bộ công nhân viên, thuế phiếu.

- **Vốn đầu tư của khu vực tư nhân:** Nguồn vốn bao gồm vốn đầu tư trong các doanh nghiệp tư nhân và vốn từ hộ gia đình, các hợp tác xã.

- **Thị trường vốn:** Là nơi thu gom mọi nguồn vốn từ thị trường dân, thu hút mọi nguồn vốn nhằm phục vụ các doanh nghiệp, các tổ chức tài chính hay các chính phủ Trung ương và chính quyền địa phương để tạo thành nguồn vốn cho nền kinh tế. Bao gồm 3 thị trường chủ yếu là thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán và thị trường tín dụng thuê mua. Có vai trò góp phần kích thích cạnh tranh, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

\* **Vốn đầu tư nước ngoài:**

- **Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI:** là hình thức đầu tư dài hạn của cá nhân hay công ty nước này vào nước khác bằng cách thiết lập các sản xuất, kinh doanh. Cá nhân hay công ty nước ngoài sẽ nắm quyền quản lý các sản phẩm kinh doanh này. Nguồn vốn này có vai trò rất lớn vì quá trình công nghiệp hoá, chuyển đổi cơ cấu kinh tế và tốc độ tăng trưởng nhanh của các nước đầu tư.

- **Vốn đầu tư vị trí phát triển chính thức ODA:** Nguồn vốn của Chính phủ các nước và các tổ chức quốc tế vị trí không hoàn toàn cho vay với lãi suất thấp, thậm chí không có lãi. Nguồn vốn này thường dành cho các ngành và kém phát triển của các cơ quan chính thức của chính phủ, Trung ương và địa phương hoặc các cơ quan hành chính của chính phủ, các tổ chức liên chính phủ, các tổ chức phi chính phủ tài trợ. Hình thức vị trí phát triển chính thức ngoài vốn ngoại tệ, thường có đầu tư đi kèm máy móc, thiết bị, công nghệ, công trình hoặc chuyên gia. Vốn ODA gồm vốn ODA không hoàn toàn, vốn ODA cho vay ưu đãi, vốn ODA hỗn hợp.

- **Vị trí của các tổ chức phi chính phủ** là nguồn vốn vị trí không hoàn toàn nhằm mục đích nhân đạo vì quy mô khá nhỏ.

## **1.2 Khái niệm khu công nghiệp và phân loại khu công nghiệp**

Theo Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14-03-2008 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế thì “*Khu công nghiệp là khu chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định theo nghị định này.*”

Hay theo Luật đầu tư năm 2014 thì “ Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp.”

Như vậy có thể hiểu rằng khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống, được quy hoạch thành vùng có ưu đãi thiên nhiên, xã hội thu hút cho hoạt động kinh doanh mà bỏ các sự hài hòa và cân bằng tác động giữa các mục tiêu kinh tế - xã hội, môi trường. Trong đó, tập trung các doanh nghiệp chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất hàng công nghiệp do Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quy định thành lập.

\* Phân loại khu công nghiệp:

Có nhiều cách phân loại khu công nghiệp:

- Căn cứ vào mục đích sản xuất, người ta chia ra: làm 2 loại đó là khu công nghiệp và khu chế xuất.

Khu công nghiệp bao gồm các cơ sở sản xuất hàng công nghiệp tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Khu chế xuất là một dạng của khu công nghiệp chuyên làm hàng xuất khẩu.

- Căn cứ theo chức năng, có thể chia làm 3 nhóm:

+ Các khu công nghiệp chủ yếu gồm các doanh nghiệp, dự án đầu tư có nguồn vốn trong nước.

+ Các khu công nghiệp hình thành bao gồm các doanh nghiệp, dự án đầu tư có nguồn vốn trong nước và nước ngoài.

+ Các khu công nghiệp chủ yếu gồm các doanh nghiệp, dự án đầu tư 100% vốn đầu tư nước ngoài.

- Căn cứ trình độ, kỹ thuật bao gồm:

+ Các khu công nghiệp bình thường, sản phẩm kỹ thuật hiện đại nhất.

+ Các khu công nghiệp cao, kỹ thuật hiện đại nhất của các ngành công nghiệp mũi nhọn như công nghệ in-tơ-nét, công nghệ thông tin, ...

- Theo lãnh thổ địa lý thì phân chia các khu công nghiệp theo miền đó là Bắc, Trung, Nam; hay theo các tỉnh thành phố để phục vụ cho việc khai thác tiềm năng của địa phương.

### 1.3 Vai trò của thu hút vốn đầu tư vào KCN phát triển kinh tế

#### \* Vai trò của thu hút vốn đầu tư

Mỗi người và đơn vị trong mỗi doanh nghiệp đều có một sự riêng biệt mà nó đem lại và đặc biệt người và đơn vị thu hút từ bên ngoài đầu tư vào doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong quá trình tái sản xuất và tái sản xuất mở rộng của bản thân doanh nghiệp riêng và kinh tế xã hội của vùng nói chung.

Sau đây là khái quát về các vai trò của hoạt động thu hút vốn đầu tư:

*Thứ nhất*, hoạt động đầu tư có vai trò rất quan trọng đối với nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Nó đóng vai trò rất lớn trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn lực cho sự phát triển tạo ra giá trị gia tăng cho xã hội. Việc thu hút vốn đầu tư sẽ giúp cho mỗi doanh nghiệp nói riêng và khu vực nói chung sản xuất công nghệ trình độ khoa học công nghệ góp phần không nhỏ trong quá trình phát triển kinh tế.

*Thứ hai*, hoạt động đầu tư còn góp phần quyết định quan hệ cung cầu vốn trong phát triển kinh tế. Vì thế thị trường, thị trường công nghệ và thị trường kinh nghiệm quản lý vốn là một trong những vấn đề gây cản trở quá trình tăng trưởng kinh tế của ngành, của khu vực, của địa phương. Vì vậy việc khuyến khích thu hút vốn đầu tư không những tăng cường phát huy tiềm năng của địa phương của ngành của khu vực hay của lãnh thổ.

*Thứ ba*, hoạt động đầu tư không ngừng nâng cao chỉ số tăng trưởng - tình trạng cho nhân dân, cải thiện chất lượng kinh tế xã hội của toàn xã hội thông qua việc làm tăng năng suất lao động xã hội, tạo thêm công việc làm cho người lao động, phát triển thêm nhu cầu ngành nghề mới và hình thức mới chính là tạo nên sự phát triển kinh tế tăng trưởng gia các khu vực và địa phương.

#### \* Vai trò của khu công nghiệp đối với phát triển kinh tế:

Việc hình thành các khu công nghiệp có tác động rất to lớn đối với quá trình phát triển kinh tế của ngành, khu vực và địa phương. Khu công nghiệp là một mô hình tổ chức sản xuất công nghiệp hiện đại và có hiệu quả. Hình thức việc hình thành các khu công nghiệp chính là một trong những giải pháp nhanh quá trình công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.

Bên cạnh khi khu công nghiệp phát triển nó còn tác động đến các mặt kinh tế, xã hội và môi trường của ngành, của khu vực và của địa phương.

- Về kinh tế:

Góp phần không nhỏ trong sản xuất tăng trưởng của nền kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của ngành của địa phương theo hướng công nghiệp hoá hiện đại hoá. Làm tăng năng suất lao động, hiện đại hoá ngành nghề, tăng đóng góp vào ngân sách địa

phong. Hình thành các ngành kinh tế mới ở các khu vực và địa phương từ việc tận dụng các nguyên nhiên liệu mà địa phương sẵn có.

Bên cạnh đó KCN tiếp nhận kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, phương pháp quản lý hiện đại để kích thích sự phát triển của các ngành công nghiệp phụ trợ. Việc áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật các nước trên thế giới là một trong những giải pháp mà các nước đi sau áp dụng nhằm rút ngắn các thời gian quá trình công nghiệp hóa.

- Về xã hội:

Hình thành và phát triển các khu công nghiệp đóng vai trò lớn trong việc giải quyết việc làm, giảm thất nghiệp và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân. Bên cạnh đó khu công nghiệp còn đóng góp trong quá trình nâng cao chất lượng, trình độ nguồn nhân lực của địa phương bằng các chương trình liên kết đào tạo nghề giữa nhà trường và doanh nghiệp.

- Về môi trường:

Chính quyền địa phương luôn khuyến khích các doanh nghiệp có thể khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên hiện có của địa phương. Tuy nhiên vì mỗi doanh nghiệp có một hình thức hoạt động sản xuất thì rất cần kiểm soát việc các doanh nghiệp như vì vậy hình thành các khu công nghiệp có thể tập trung các nhu cầu doanh nghiệp lớn như về mặt đất đai để xây dựng hạ tầng kỹ thuật tiên tiến góp phần giải quyết các vấn đề môi trường.

Ngoài ra khu công nghiệp làm tăng bản năng hợp tác và ảnh hưởng quy hoạch theo quy định của Nhà nước vì vậy rất cần tập trung nguồn vốn nâng cao cơ sở hạ tầng một cách chóng mặt để tiêu chuẩn quốc tế mà các nhà đầu tư thế giới đòi hỏi. Khu công nghiệp sẽ chính phủ và nhà nước hỗ trợ ưu đãi thu hút các nhà đầu tư.

#### **1.4 Cơ chế thu hút vốn và các khu công nghiệp**

\* *Cơ chế các khu công nghiệp:*

Hiện nay các khu công nghiệp tập trung nhiều xí nghiệp liên tiếp nhau thường có ranh giới rõ ràng, có vị trí thuận lợi về hạ tầng kỹ thuật và nguồn nguyên vật liệu, vận chuyển, lưu thông hàng hóa và xu hướng phát triển hàng hóa đa dạng.

Các khu công nghiệp thực hiện các chương trình ưu đãi riêng về pháp lý của Nhà nước nhằm tạo ưu đãi phát triển.

Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp thường có mối quan hệ sản xuất trực tiếp vì vậy hệ thống chi phí sản xuất, kinh doanh cơ sở hạ tầng được nâng cao một cách đáng kể so với các doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp.

Ngoài ra khu công nghiệp còn có các Ban quản lý thị trường và có sự phân cấp quản lý và tổ chức sản xuất theo yêu cầu của các doanh nghiệp hoạt động một cách hiệu quả.

\* *Chính sách thu hút vốn đầu tư*

- Có thể cho rằng đầu tư luôn là yếu tố cần thiết để phát triển và sinh lợi. Đầu tư luôn cần nắm bắt những vấn đề liên quan với lợi ích đầu tư máy móc các thiết bị hiện đại. Hiện nay có những vấn đề liên quan như chi phí vận hành và chi phí vận hành kém thì sẽ không đem lại hiệu quả cao. Vì vậy bên cạnh nguồn vốn liên thì việc chi phí có hiệu quả cũng là vấn đề đáng chú ý.

- Khi đầu tư các nguồn vốn cần tập trung và tích tụ thu lợi cho quá trình đầu tư. Tránh trường hợp khi cần vốn đầu tư những nguồn vốn không có hoặc không yên tâm.

- Việc đầu tư vào các dự án luôn đem lại lợi ích rõ ràng tùy vào quy mô, lĩnh vực,... Rủi ro càng cao lợi nhuận càng lớn và ngược lại. Các nhà đầu tư luôn ưa thích mô hình vì vậy họ sẽ rót tiền vào dự án có tiềm năng lợi nhuận càng ngày càng cao so với mức vốn ban đầu bỏ ra.

## **1.5 Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp**

Việc tạo ra môi trường đầu tư thu hút các nhà đầu tư rót tiền đầu tư là vấn đề bất khả thi của nhà nước và ngành hiện nay. Để tạo môi trường thu hút, thời gian giúp các nhà đầu tư có thể thấy được đâu là môi trường tiềm năng thực hiện đầu tư.

### **1.5.1 Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của KCN**

Có lợi thế về vị trí địa lý của KCN là điều giúp cho khu công nghiệp thu hút các nhà đầu tư rót tiền vào. Các lợi thế về vị trí như mạng lưới giao thông, bến cảng, sân bay hay gần nơi cung cấp nguồn nguyên vật liệu vào, thị trường xuất ra,... có những lợi thế thu hút vốn đầu tư.

Bên cạnh đó các điều kiện tự nhiên của khu công nghiệp cũng góp phần không nhỏ trong việc tạo ra môi trường thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp. Như các điều kiện về khí hậu, nguồn nước, đất đai, khoáng sản,... không những ảnh hưởng trực tiếp đến đầu tư vào mà còn ảnh hưởng đến tính chất đầu tư của sản phẩm.

### **1.5.2 Chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương**

Việc địa phương đưa ra các chính sách phát triển kinh tế - xã hội cũng xem như là nền tảng để định hình những cách hoạt động thu hút vốn trên địa bàn một cách hợp lý. Để

ra chính sách phát triển kinh tế - xã hội hợp lý, ứng dụng, phù hợp với xu thế thời đại có tác động mạnh mẽ và tích cực thu hút các nguồn vốn đầu tư.

### 1.5.3 Kỹ thuật sản xuất

Thu hút các nhà đầu tư thì việc xây dựng một cơ sở hạ tầng chất lượng, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế là một vấn đề hết sức quan trọng trong việc thu hút các nhà đầu tư.

Hạ tầng cơ sở hạ tầng bao gồm hạ tầng giao thông, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải, hạ tầng các công trình, kho bãi phục vụ sản xuất. Chất lượng hạ tầng cơ sở hạ tầng tốt làm giảm chi phí đầu tư, khuyến khích tranh giành vì vậy sẽ làm lợi ích nhu cầu cấp bách của các nhà đầu tư.

Thứ ba thay đổi, việc xây dựng một hạ tầng cơ sở hạ tầng thu hút đầu tư, phù hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh là một mục tiêu ưu tiên hàng đầu trong việc phát triển kinh tế khu công nghiệp hiện nay.

### 1.5.4 Nguồn nhân lực

Ngày nay khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển dẫn đến thay đổi vai trò của con người trong quá trình sản xuất. Tuy nhiên dù có thay đổi thế nào thì vai trò của con người luôn là vốn then chốt. Nguồn lao động là nhân tố sáng tạo ra công nghệ, thiết bị và sản phẩm trong quá trình sản xuất.

Lao động là một trong những nhân tố đầu vào của quá trình sản xuất vì vậy chất lượng và giá trị của lao động ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của quá trình sản xuất. Chi phí lao động (chi phí dùng cho đào tạo, phúc lợi, bảo hiểm) thể hiện sự đầu tư của nguồn nhân lực. Việc chi phí nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng trong việc đầu tư thành công một dự án kinh tế.

Nguồn nhân lực không chỉ có ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế mà còn là yếu tố cần thiết trong quá trình phát triển kinh tế tại các khu công nghiệp. Xây dựng và phát triển các khu công nghiệp cần phải có nguồn lao động tích cực áp dụng kỹ thuật tiên tiến và chất lượng thu hút các nhà đầu tư kinh doanh. Vì vậy cần phải ưu tiên phát triển các khu vực có nguồn lao động dồi dào và chất lượng cao tránh tình trạng chực chờ máu chảy xương.

### 1.5.5 Môi trường kinh tế, chính trị - xã hội

Sự ổn định về kinh tế tác động không nhỏ đến tâm lý của các nhà đầu tư. Một nền kinh tế ổn định thì hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp, có hiệu quả, nguồn lợi nhuận thu được sẽ ngày càng tăng.

Bên cạnh đó, nền chính trị - xã hội luôn là yếu tố thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Bởi vì chính trị xã hội ổn định thì các chính sách ưu tiên của nhà nước dành cho các nhà đầu tư sẽ cam kết chắc chắn. Là nhân tố luôn thu hút các nhà đầu tư quan tâm vì rủi ro của nó rất thấp nên việc quyết định đầu tư hay không. Thông thường các nhà đầu tư rất dễ thu hút vì các môi trường đầu tư có rủi ro thấp vì nó thường đi kèm đó là lợi nhuận cao. Việt Nam là một trong những quốc gia có nền kinh tế, chính trị - xã hội vì vậy sẽ thu hút các nhà đầu tư thích sự "ổn định" trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

## 1.6 Các yếu tố thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp

### 1.6.1 Kinh nghiệm thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp các nước trong khu vực và trên thế giới như Singapore, Trung Quốc,...

#### \* Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư Trung Quốc

Trung Quốc được xem là một trong các nước có nền kinh tế tăng trưởng cao đứng thứ 2 trên thế giới với tốc độ tăng trưởng 6,8% trong quý 1/2018. Việc em li nhìn thành quả có được ngày hôm nay đó là nhờ vào việc Trung Quốc đã xây dựng các khu kinh tế nhằm mục đích là để thu hút vốn đầu tư.

Như vậy Trung Quốc có 5 khu kinh tế Chu Hải, Thẩm Quyển, Sán Đầu, Hải Môn, tỉnh Hồ Hải Nam. Những mô hình các khu kinh tế này sẽ đem lại những tác động công nghiệp như nhau và sẽ dẫn đến sự phát triển ngành kinh doanh.

Yếu tố quyết định thành công trong việc thu hút nhà đầu tư của các khu kinh tế Trung Quốc đó là:

- Các khu kinh tế đều có vị trí địa lý thuận lợi nhằm giảm các chi phí, chi phí thuê, nguồn cung ứng nguyên vật liệu, nguồn lao động dồi dào,...

- Các khu kinh tế đều thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế, miễn thuế, ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân hay miễn giảm thuế các thuế khác, các dịch vụ vận chuyển hàng hoá. Hơn hết các khi các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào thì sẽ thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế thu nhập, thuế chuyển lợi nhuận, các chính sách ưu đãi về tín dụng, ngân hàng, ngoại hối và các lĩnh vực khác.

#### \* Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư của Singapore

Singapore được biết đến là một trong những con rồng châu Á phát triển hiện nay. Tốc độ tăng trưởng không ngừng tài nguyên, tài chính, tài chính cũng như các ngành khác, nhưng mà gần đây Singapore là một trong những quốc gia tăng trưởng 3-3,5% trong năm 2017.



làm công nghiệp, chính phủ nước này đã xây dựng và phát triển 9 khu công nghiệp mới do và các khu công nghiệp mới có ích thu hút các nhà đầu tư rót tiền vào.

Đối với các khu công nghiệp và khu công nghiệp, chính phủ có các chính sách ưu đãi cho các nhà đầu tư mới do chuyển đổi như sau: có quy định rõ ràng về pháp luật, các nhà đầu tư có thể tiếp cận các lĩnh vực kinh tế (trừ các lĩnh vực an ninh quốc phòng, trật tự xã hội), hạn chế tối đa chính là không áp dụng các thuế xuất nhập khẩu, các nhà đầu tư chi trả thuế thu nhập cá nhân thấp,...

Bên cạnh đó chính phủ nước này còn xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi thu hút các nhà đầu tư chú trọng quan tâm đến sự phát triển bền vững cho quá trình sản xuất kinh doanh, giảm thuế, thu nhập. Hạn chế môi trường chính trị xã hội gây rối công bằng, minh bạch và hiệu quả.

*\* Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư của Thái Lan*

Mặc dù với môi trường chính trị - xã hội bất ổn nhưng các cơ chế chính quyền đã biến đổi năng lực quản lý tài nguyên thiên nhiên, tập trung phát triển vào các ngành then chốt, nâng cao hóa các thủ tục hành chính, ban hành các chính sách ưu đãi rõ ràng.

Theo báo cáo đầu tư thế giới năm 2016 cho biết lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thái Lan tăng gấp 3 lần so với năm 2015, trong đó Nhật Bản là nước có số đầu tư vào Thái Lan. Năm 2017 lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thái Lan có sự sụt giảm nhẹ, tuy nhiên đây vẫn là điểm sáng trong một số các nhà đầu tư nước ngoài.

Có thể thành quả ngày hôm nay các nhà lãnh đạo chính quyền luôn đưa ra các chính sách, chỉ đạo ưu đãi nhà đầu tư nước ngoài. Nhờ vậy thành lập cơ quan chuyên trách về đầu tư, Ủy ban đầu tư Thái Lan có thể xem là một bước đi mới trong hỗ trợ và giúp các nhà đầu tư. Đối với các nhà đầu tư luôn nhận được các chi phí, chính sách ưu đãi như miễn giảm thuế nhập khẩu máy móc, miễn thuế nhập khẩu nguyên vật liệu, giảm thuế thu nhập, chi phí vận chuyển và nhập khẩu. Về cơ chế hành chính “một cửa” ban đầu một thủ tục hành chính sẽ do Ủy ban đầu tư Thái Lan xử lý tuy nhiên hiện tại Ủy ban chỉ quản lý trong quá trình quản lý, thực hiện các hoạt động đầu tư và tiếp xúc với nhà đầu tư. Còn các công việc tiếp xúc với các chuyên ngành.

Điểm mới trong các chính sách thu hút đầu tư thì đây chính là thay đổi chính sách thu hút đầu tư dựa trên phát triển sản xuất thay thế nhập khẩu bằng chính sách thu hút đầu tư hướng vào các ngành sản xuất phục vụ cho nhập khẩu như dệt may, ngân sách. Tập trung ưu đãi, phát triển các ngành công nghiệp then chốt như phát triển công nghệ cao, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ tạo công nghệ tiên tiến; phát

triển các doanh nghiệp và nhà. Khuyến khích thu hút đầu tư vào các vùng nông thôn thu hút các kho nông cách phát triển giữa các vùng.

### **1.6.2 Kinh nghiệm thu hút đầu tư các khu công nghiệp trong các tỉnh KCN Bắc Ninh, KCN Hà Nội,...**

*\* Kinh nghiệm thu hút đầu tư các khu công nghiệp Bắc Ninh*

Bắc Ninh được xem là một trong những địa phương đi đầu trong công việc phát triển công nghiệp. Hiện nay tại Hà Nội đã hình thành nhiều KCN có quy mô lớn, thu hút các dự án có sự đầu tư của các tập đoàn kinh tế hàng đầu.

Tính đến hết quý I/2018 Bắc Ninh có 16 KCN tập trung với diện tích 6397,68 ha. 5/2017 KCN đã thu hút được 827 doanh nghiệp hoạt động tạo công việc làm cho 285.000 lao động tại địa phương và ngoài nước.

Các khu công nghiệp Bắc Ninh đã xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại hoá hạ tầng phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế để dàng thu hút vốn đầu tư các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Bên cạnh đó khu công nghiệp còn chú trọng đến việc bảo vệ môi trường như xây dựng các hệ thống xử lý nước thải và lắng đọng vào quá trình hoạt động. Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc tiêu chuẩn quốc tế nhằm đáp ứng trong quá trình sản xuất và kinh doanh hay nhu cầu thông tin liên lạc trong và ngoài nước của các nhà đầu tư.

Ngoài ra khu công nghiệp còn tận dụng nguồn lao động dồi dào tại địa phương tạo công việc, tạo cơ hội cho nguồn nhân lực, nâng cao thu nhập và đời sống của người dân địa phương.

Ban quản lý tại địa phương và nhà nước cần đưa ra các chính sách ưu đãi về thuế, miễn thu thuế cho doanh nghiệp, chuyển lợi nhuận ra nước ngoài,... Hiện nay còn hỗ trợ kinh phí trong việc đầu tư và tạo cơ hội có kết quả, nâng cao nhận thức và trình độ quản lý.

*\* Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp Hà Nội*

Hà Nội được xem là một trong những thành phố đáng sống Việt Nam, là trung tâm văn hoá, giáo dục, kinh tế, xã hội, công nghệ của khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Tính đến tháng 9/2017 Hà Nội có 6 khu công nghiệp tập trung với quy mô khoảng 1066,52 ha thu hút được 419 dự án trong đó có 319 dự án trong nước và 100 dự án nước ngoài. Bên cạnh đó các khu công nghiệp còn giải quyết việc làm cho khoảng 74 nghìn lao động tại địa phương và các tỉnh lân cận. Các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là hoạt động sản xuất hàng may mặc, chế biến thực phẩm.

tư tưởng thành tựu trên, bản quyền lý khu công nghiệp và UBND thành phố đã ban hành các chính sách nhằm thu hút vốn đầu tư như:

- Nâng cao và hoàn thiện các hình thức cơ sở hạ tầng trong và ngoài khu công nghiệp, đặc biệt chú trọng là các quy hoạch bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng các dịch vụ chuyên, lưu trữ và xử lý chất thải.

- Hình thành các trung tâm liên lạc, tài chính – ngân hàng, giao thông vận tải, phát triển các dịch vụ văn hóa, thể thao, ....

- Ưu tiên phát triển các ngành có giá trị gia tăng cao như các ngành công nghệ thông tin và viễn thông, công nghiệp điện tử, sản xuất hàng tiêu dùng, ...

- Áp dụng cơ chế “Một cửa liên thông” và việc cấp giấy chứng nhận đầu tư một cách nhanh chóng, công khai, minh bạch. Ngoài ra UBND thành phố đã luôn sẵn sàng các hỗ trợ kỹ thuật và giải đáp cho các nhà đầu tư nước ngoài về các thủ tục hành chính, thuế tài sản, thuế thu nhập, ...

- Thu hút các nhà đầu tư, UBND thành phố đã ban hành các chính sách ưu đãi về thuế, cho phép chuyển nhượng sản phẩm đầu tư thuê; góp vốn bằng quy định đầu tư thuê và tài sản thu nhập của mình góp liên kết kinh doanh với các cá nhân trong và ngoài nước, ...

- Tạo công việc làm, nâng cao đời sống cho hàng ngàn lao động địa phương và lao động ngoài tỉnh, mở các trung tâm đào tạo nghề nghiệp nhân lực phù hợp với các lĩnh vực ngành nghề sản xuất kinh doanh.

*\* Kinh nghiệm thu hút đầu tư vào khu kinh tế Vũng Áng - Hà Tĩnh*

Khu kinh tế Vũng Áng có ảnh hưởng là một trong những khu kinh tế năng động và phát triển một cách có hiệu quả. Xây dựng cơ sở hạ tầng môi trường đầu tư thu hút, chính quyền địa phương đã thực hiện tốt công tác quy hoạch và xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng. Các tuyến giao thông vận tải chuyên chở xây dựng, kết nối liên nhau bên cạnh đó còn hoàn thiện các hình thức hạ tầng kỹ thuật, viễn thông, xử lý rác thải và cấp thoát nước. Từng công tác giải phóng mặt bằng, mở rộng công tác bồi thường, tái định cư cho người dân.

Ngoài ra từng công tác thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài, chính quyền địa phương đã ban hành các dự án, lĩnh vực ưu tiên phát triển. Đồng thời công khai quy trình xử lý và cấp các thủ tục đầu tư nhằm giúp cho các nhà đầu tư tiếp cận dễ dàng hơn.

Chính quyền địa phương thường xuyên tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, nhằm quảng bá những tiềm năng phát triển mà địa phương có thể thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

nh. Luôn quan tâm, chăm sóc, bình đẳng giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước không có sự phân biệt giữa các nhà đầu tư.

### 1.6.3 Bài học kinh nghiệm thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp tại tỉnh Quảng Nam

Tỉnh thành công của các khu công nghiệp trong và ngoài nước đã đem lại một số bài học kinh nghiệm cho việc thu hút vốn đầu tư Quảng Nam đó là:

- Phải tạo ra môi trường chính trị và an ninh, quốc phòng ổn định. Bên cạnh đó các nước như Trung Quốc, Singapo, .. hay các khu công nghiệp trong nước có thể thấy rằng việc duy trì ổn định trong khu vực, áp dụng triệt để các chính sách thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước. duy trì ổn định tình hình nội bộ và áp dụng thì chính quyền địa phương cần phải luôn đưa ra các chính sách hỗ trợ như chia sẻ các thành quả phát triển, tăng cường các cuộc trưng cầu ý dân có thể giúp áp dụng cách nhanh chóng những thành tựu của người dân tránh gây nên tình trạng kích động lòng dân.

- Việc xây dựng và quy hoạch các khu công nghiệp phải rõ ràng, hợp lý và hiệu quả. Vị trí của khu công nghiệp cần phải thuận lợi về địa lý và kinh tế như gần nguồn cung ứng nguyên vật liệu, giao thông, ... Nâng cao xây dựng, hoàn thiện hạ tầng cơ sở hạ tầng đạt tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng các quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Cần phải quy hoạch tập trung các doanh nghiệp vào một thời điểm có thể xây dựng cộng đồng liên kết quan hệ giữa các xí nghiệp tạo thúc đẩy các quá trình cùng nhau phát triển xây dựng cộng đồng môi trường ưu tiên hợp lý.

- Cần phải xây dựng môi trường ưu tiên hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư.

Hiện nay thu hút vốn đầu tư thì các nước láng giềng hay các địa phương đã và đang cố gắng đưa ra nhiều ưu đãi về các chính sách tài chính cho nhà đầu tư một cách cụ thể, rõ ràng và nhất quán, thông thoáng giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Một bí quyết chính là việc giúp quy tắc các thủ tục hành chính cho các khu công nghiệp cần phải nhanh chóng, giảm bớt theo cách “một cửa”.

- Chính quyền địa phương phải thường xuyên đưa ra các chỉ dẫn về phát triển và các chính sách ưu đãi về thuế khuyến khích thu hút đầu tư.

- Chính quyền phải luôn xác định rõ ràng các phương hướng phát triển, mục tiêu tăng trưởng cho địa phương cũng như tận dụng các nguồn nhiên vật liệu đầy đủ. Bên cạnh đó các chính sách như giảm thuế, miễn thuế, ... cũng như hỗ trợ các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

**1.7 M t s ch tiêu ánh quá tình hình thu hút u t vào các khu công nghi p**

- T ng v n u t c th c hi n trong k
- S d án c ng ký
- S d án c c p phép
- T ng v n c ng ký
- T tr ng trong t ng ngu n v n u t trong khu công nghi p

Tr ng ại hoc Kinh tê Huê

## TÓM L I

V i l i th v tr l ng l n khoáng s n, n m trong vùng kinh t tr ng i m và ngu n nhân l c d i dao tuy nhiên chính quy n a ph ng v n ch a a ra các chính sách phát tri n các ti m n ng mà a ph ng có. Vì th vì c thu hút v n u t nó có tác ng r t l n n tình hình phát tri n kinh t - xã h i c a khu công nghi p hay a ph ng nói chung nh gi i quy t c tình tr ng xóa ói gi m nghèo, ch t l ng cu c s ng c nâng cao, các v n v xã h i nh ch m sóc s c kh e, giáo d c mà môi tr ng c thay i.

Kinh nghi m t các n c lán gi ng và các n c trong khu v c hay các khu công nghi p trong n c cho ta c nh ng bài h c trong quá trình thu hút các nhà u t trong và ngoài n c. Nh ban hành các chính sách u ãi v giá thuê t, mìn thu thu nh p; th c hi n c ch “m t c a” nh m gi i quy t các th t c hành chính m t cách nhanh chóng, ti t ki m c chi phí; nâng cao h th ng c s h t ng xây d ng c m t môi tr ng u t hi n i, c i m h n trog m t nhà u t hay liên k t ào t o ngu n nhân l c có ch t l ng; quan tâm và h tr trong các ho t ng xúc ti n u t .

ây u là nh ng bài h c quý giá mà lãnh o a ph ng, ban qu n lý khu công nghi p c n ph i h c h i, l u tâm nh m giúp cho t nh Qu ng Nam ngày càng hoàn thi n h n trong m t nhà u t t ó thu hút c ngu n v n vào a ph ng.

## CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH QUẢNG NAM

### 2.1 Tổng quan về tỉnh Quảng Nam

#### 2.1.1 Điều kiện thiên nhiên

Quảng Nam, một tỉnh ven biển và là nơi thu hút vùng phát triển kinh tế trọng điểm Miền Trung. Phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên Huế; phía Đông giáp biển Đông với chiều dài trên 125 km bờ biển; phía Nam giáp tỉnh Quảng Ngãi và Kon Tum; phía Tây giáp tỉnh Kon Tum và nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Quảng Nam – một trong các tỉnh ưu tiên trên vùng duyên hải Miền Trung Bắc có 2 thành phố (Tam Kỳ, Hội An) và 01 thị xã (Điện Bàn), 15 huyện (Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My, Hiệp Đức, Tiên Phước, Nông Sơn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn, Đại Lộc, Điện Bàn, Hội An) và 01 thị xã (Điện Bàn), 15 huyện (Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My, Hiệp Đức, Tiên Phước, Nông Sơn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn, Đại Lộc, Điện Bàn, Hội An). Tổng diện tích tự nhiên của tỉnh là 1.057.474 ha.

Về hệ thống giao thông thì Quảng Nam nằm trên trục giao thông Bắc-Nam và Đông-Tây, đường bộ, đường biển và đường hàng không, có quốc lộ Chí Minh, Quốc lộ 14B, 14E nối liền đường ven biển qua các huyện trung du miền núi của tỉnh đến biên giới Việt-Lào và các tỉnh Tây Nguyên.



Bản đồ hành chính tỉnh Quảng Nam

Hình thức của Quảng Nam nằm giữa thành phố Đà Nẵng (Trung tâm kinh tế lớn của khu vực Miền Trung) và khu vực phát triển công nghiệp đặc biệt Chu Lai – Dung Quất, đây là một khu vực đang hình thành và phát triển phía Nam. Nơi đây có Cảng K. Hà, sân bay Chu Lai, đường xuyên Á cùng với diện tích mặt biển rộng, gần hệ thống lưới điện quốc gia, có nguồn nước ngọt dồi dào, gần trục giao thông quốc tế, những thuận lợi ưu việt cho việc giao lưu phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng, khu vực và địa phương bên cạnh đó có tầm quan trọng trong an ninh và quốc phòng địa phương và quốc gia.

### 2.1.2 Địa hình, khí hậu, khoáng sản

#### \* Địa hình

Quảng Nam có hình dạng nghiêng dần từ Tây sang Đông, hình thành 3 khu vực quan trọng sinh thái rõ rệt là vùng núi cao, vùng trung du, vùng đồng bằng và ven biển. Tuy nhiên địa hình chủ yếu đây là đồi núi, chỉ có 72% diện tích tự nhiên với diện tích cao trên 2.000m. Việc địa hình chủ yếu là đồi núi cũng như hệ thống sông ngòi và việc thu hút nước mưa vào tận.

Ngoài ra bề mặt địa hình bị chia cắt bởi hệ thống sông ngòi khá phát triển gồm sông Thu Bồn, sông Tam Kỳ và sông Trà Kiệu. Sông Gianh khi nhìn cho môi trường và sinh thái đây rất đa dạng như đồi núi, đồng bằng và ven biển.

#### \* Khí hậu

Quảng Nam nằm trong vùng nhiệt đới, chỉ có 2 mùa chính đó là mùa mưa và mùa khô. Nhiệt độ trung bình hàng năm từ 20 - 21<sup>0</sup>C, nhiệt độ cao nhất mùa hè không quá 24<sup>0</sup>C, gió mùa trung bình hàng năm là 1300 giờ. Lượng mưa trung bình hàng năm 2000mm – 2500mm, phân bố không đều theo thời gian và không gian, mùa mưa miền núi nhiều hơn đồng bằng. Vào mùa mưa trùng với mùa bão, nên các cơn bão vào miền Trung thường gây ra lũ lụt, quét sạch huyện trung du miền núi và gây ngập lụt các vùng ven sông.

#### \* Khoáng sản

Quảng Nam là tỉnh có tiềm năng tài nguyên khoáng sản, đa dạng phong phú về chủng loại và đa dạng về nguồn gốc, đặc biệt là tài nguyên quặng phóng xạ nằm bên trong lớp khoáng sản như than, graphite, photphat, pegmatit, sắt kim ... với trữ lượng quặng như than và chất lượng quặng tốt nhất cả nước. Toàn tỉnh hiện có khoảng 45 loại khoáng sản, một số khoáng sản có giá trị kinh tế phát hiện có trữ lượng lớn, cần sớm tìm dò và đưa vào khai thác.



Mt s m vàng có trữ lượng lớn đang khai thác như Bng Miêu d ki n tr lượng lên tới kho ng 12.388 kg, k Sa có trữ lượng kho ng 7.210 kg. V than á có 3 m ang c khai thác Qu ng Nam là Nông Sơn, Ng c Kinh, An i m v i t ng tr lượng than á lên tới kho ng 13 tri u t n; Khoáng s n Uran ã phát hi n Qu ng Nam và ghi nh n 4 m v i tr lượng kho ng trên 14 ngàn t n và phân b t p trung Th nh M ; Felspat có 3 m là i L c, i An, L c Quang v i tr lượng kho ng 1,84 tri u t n; Cát th y tinh hi n ã ghi nh n 5 m là H ng An Qu S n, Bình Tú, Tân An, Kh ng i, Li u Trì Th ng Bình và l i m khoáng s n Tam Anh Núi Thành v i t ng tr lượng trên 160 tri u t n; á xây d ng phân b nhi u n i trên à bàn t nh, m t s m ã c th m dò và ang khai thác nh granit Núi Ki n – à Hàm Qu S n, granitogneis Núi Thành và m t s m ã và ang c i u tra, t ng tr lượng có th trên 100 tri u m<sup>3</sup>; á vôi có 2 m là A S và Th nh M v i tr lượng đ ki n trên 600 tri u t n; Cát, cu i, s i th ng phân b bãi b i ven h th ng các sông c a t nh v i tr lượng khá l n.

V i tr lượng lớn khoáng s n có th th y c t ng n i ãy có ti m n ng phát tri n kinh t cao và hình thành nên m i s ngành m i nh n góp ph n t ng tr ng c a n n kinh t .

### 2.1.3 i u ki n kinh t - xã h i

V i à hình à th c a mình, cùng v i vi c n m trong s r t ít à ph ng trong c n c có sân bay, c ng bi n, ng s t và qu c l , Qu ng Nam là m t vùng t có nhi u i u ki n thu n l i trong vi c phát tri n kinh t - xã h i.

Hi n nay, trên à bàn toàn t nh Qu ng Nam ã có 19 khu công nghi p, c m công nghi p và d ch v . V i vi c thu hút c nhi u nhà u t , di n m o c a ngành công nghi p Qu ng Nam thay i và phát tri n rõ r t, góp ph n quan tr ng vào s nghi p phát tri n c a t nh.

Tình hình phát tri n kinh t - xã h i c a t nh Qu ng Nam nh ng n m v a qua có nh ng chuy n bi n tích c c song v n còn khó kh n. N m 2017 so v i ch tiêu theo Ngh quy t H ND t nh ra còn 05/14 ch tiêu tuy chuy n bi n tích c c so v i n m 2016 nh ng ch a t k ho ch ra, trong ó t c GRDP t ng 5,09% (k ho ch: 11,5 - 12%)... Bên c nh ó, m t s l nh v c khác c ng có nh ng b c phát tri n m i óng góp tích c c vào n n kinh t c a t nh nh : t ng tr ng tín d ng t cao (+19%); khu v c nông lâm th y s n, xây d ng, d ch v duy trì c m c t ng tr ng n nh; m t s ngành công nghi p có n ng l c m i t ng (s n xu t u ng, s n xu t i n...) góp ph n duy trì c m c t ng tr ng đ ng c a khu v c công nghi p. L nh v c an sinh xã h i c duy trì th ng xuyên và m b o, an ninh - qu c phòng c t ng c ng.

#### 2.1.4 Dân số và lao động

Tính đến hết năm 2017, dân số Quảng Nam là 1,494 nghìn người với mật độ dân số trung bình là 141 người/km<sup>2</sup>. Dân cư phân bố tập trung dọc bờ biển ven biển, đặc biệt là 1A,... Mật độ dân số cao hai thành phố Tam Kỳ và Hội An vượt quá 1000 người/km<sup>2</sup>, thị xã Điện Bàn xếp thứ 3 với mật độ dân số xếp xấp xỉ 100 người/km<sup>2</sup>. Trong khi đó, mật độ dân số trung bình của 5 huyện miền núi gồm Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn và Nam Trà My là dưới 40 người/km<sup>2</sup>. Với 75,83% dân số sinh sống nông thôn, Quảng Nam có tỷ lệ dân số sinh sống nông thôn cao hơn tỷ lệ trung bình của cả nước. Tuy nhiên quá trình đô thị hóa trên địa bàn tỉnh đang diễn ra mạnh mẽ tác động lớn đến sự phân bố dân cư nông thôn - thành thị trong thời gian tới. Quảng Nam hiện có 34 dân tộc cùng sinh sống, trong đó ông lớn nhất là người Kinh (91,1%), người Chăm (3,2%), người Xơ Đăng (2,7%) và người Giẻ Triêng (1,3%), 29 dân tộc còn lại chỉ chiếm 0,9% dân số.

Theo báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam năm 2017, toàn tỉnh có 913,4 nghìn người từ 15 tuổi trở lên thuộc lực lượng lao động, trong đó hơn 889 nghìn người có việc làm và hơn 24 nghìn người thất nghiệp. Tính quý IV/2017, toàn tỉnh đã có 544 lao động làm việc theo hợp đồng tại nước ngoài (Nhật Bản: 427 L, Hàn Quốc: 57 L, Đài Loan: 18 L, Malaysia: 18 L, Israel: 16 L, Rô-đê-đây: 05 L, Hà Lan: 02 L, Anh: 01 L), tăng 181,3% so với cùng kỳ năm trước. Thành tích hàng năm của ngành bảo hiểm thất nghiệp của tỉnh là 2.371 lao động. Quy trình chi trả trợ cấp thất nghiệp: 7.930 lao động, với tổng số tiền trên 75 tỷ đồng.

Quảng Nam là vùng đất có nguồn lao động dồi dào với mật độ dân số gần 1,5 triệu người; ngoài ra, trong vòng bán kính 100 km có tổng dân số trên 8 triệu người, trong đó có trên 50% trong độ tuổi lao động, mức độ cung ứng nguồn nhân lực cho các dự án xuất sắc. Nguồn lao động Quảng Nam cần cù, ham học hỏi, ý thức kỷ luật lao động tốt và có biệt có tay nghề cao trong lĩnh vực công nghiệp cơ khí, may mặc và dịch vụ du lịch. Đây chính là một trong những tiêu chí mà Tập đoàn Hyundai, Kia (Hàn Quốc), Mazda (Nhật Bản), Coilcraft (Hoa Kỳ), Indochina Capital, Hitech (Thái Lan),... đánh giá cao khi quyết định đầu tư tại Quảng Nam.

Hiện có 2 trường đại học, 10 trường cao đẳng, hơn 40 cơ sở đào tạo nghề với các lĩnh vực đào tạo khác nhau. Ngoài ra, Quảng Nam nằm gần các trung tâm đào tạo nguồn nhân lực lớn như Đà Nẵng, Huế, ... nên rất thuận tiện trong việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các dự án xuất sắc.

Với các chính sách ưu đãi lao động phù hợp như hỗ trợ kinh phí đào tạo, hỗ trợ miễn thuế cho doanh nghiệp mở cơ sở đào tạo, kết hợp giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp... đã tạo ra nguồn lao động đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư và sản xuất công nghiệp chất lượng cao.

## 2.2 T ng quan v các khu công nghi p t nh Qu ng Nam

### 2.2.1 Khái quát các khu công nghi p.

#### \* Khu công nghi p i n Nam – i n Ng c

Khu công nghi p i n Nam – i n Ng c thành l p t n m 1996 theo quy t nh c a ngh quy t s 806/TTg c a Th t ng chính ph v i di n tích 418ha thu c a ph n xã i n Nam và xã i n Ng c, huy n i n Bàn, t nh Qu ng Nam.

N m v trí r t thu n l i cách sân bay qu c t ê à N ng 20km, c ng Tiên Sa 29 km, khu l c d u Dung Qu t, c ng K Hà 100km. Bên c nh ó khu công nghi p có h th ng giao thông thu n l i và h nh t ó h th ng c s h t ng m b o ch t l ng và ã a vào ho t ng.

Ban qu n lý khu công nghi p luôn h tr , giúp các doanh nghi p u t m t cách thu n l i nh t. Nh chính sách v u ãi v giá thuê t t i khu công nghi p là 1USD/n m bao g m phí s d ng h t ng, c h ng các u ãi u t thu thu nh p doanh nghi p theo ngh nh s 218/2013/N -CP ngày 26 tháng 12 n m 2013 quy nh chi t i t và h ng d n m t s i u c a Lu t thu Thu nh p Doanh nghi p.

Tính n tháng n m 2017 khu công nghi p i n Nam i n Ng c c ng ã thu hút c 67 d án u, trong ó có 39 d án u t trong n c và 28 d án u t n c ngoài, t ng v n u t ng ký g n 4.833 t ng và 5.657,90 tri u USD, v i di n tích s d ng t là 277,55 ha, t o công n vi c là cho g n 25.000 công nhân và ng i lao ng t i a ph ng. T l l p y khu công nghi p chi m g n 80%.

Hi n khu công nghi p ã và ang có nhi u chính sách, c ch khuy n khích và thu hút u t các doanh nghi p trong n c và ngoài n c n u t c bi t h n các l nh v c nh công nghi p i n t , ch bi n nông lâm th y h i s n, d t may, s n xu t hàng tiêu dùng, d ch v và th ng m i.

#### \* Khu công nghi p ông Qu S n

Khu công nghi p ông Qu S n c thành l p n m 2007 do UBND t nh phê duy t quy ho ch chi t i t t i Quy t nh s 3792/Q -UBND v i di n tích n m 211,26ha n m v trí xã H ng An, huy n Qu S n, t nh Qu ng Nam.

N m v trí có h th ng k t c u h t ng giao thông thu n l i cho quá trình ho t ng s n xu t, cung ng ngu n nguyên v t li u, hàng hóa c a khu công nghi p nh cách ng s t Tam k 25km; v phía Nam thông qua tuy n ng b qu c l 1A; cách khu công nghi p kho ng 0,9km là t nh l 611 ( tuy n i ngo i quan tr ng th 2 c a khu công nghi p).

Tiêu chuẩn về công nghệ luôn thu hút đầu tư từ các nước ngoài như công nghệ sản xuất xi măng, công nghệ chế biến nông lâm, thủy sản, công nghệ dệt may, hàng tiêu dùng,... Bên cạnh đó khu công nghệ sản xuất luôn nâng cấp xây dựng hạ tầng hạ tầng kỹ thuật như có hệ thống điện liên tục 24/24h; hệ thống cấp thoát nước sạch với công suất 4.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; hệ thống xử lý nước thải, chất thải công nghiệp và sinh hoạt; hệ thống xử lý có công suất 2.500m<sup>3</sup>/ngày đêm; hệ thống internet, viễn thông; phòng cháy chữa cháy trang bị mặt cách ly nhiệt.

Khu công nghệ sản xuất luôn áp dụng các chính sách ưu đãi về giá thuê đất (0,5USD/nm không bao gồm phí sử dụng hạ tầng); chính ưu đãi về Thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP hay miễn thuế thu nhập khu vực về máy móc thiết bị.

Khu công nghệ sản xuất Ông Quố Sơn hiện nay có 12 dự án đầu tư trong đó có 5 dự án đầu tư từ các nước ngoài và 7 dự án đầu tư trong nước, vốn đầu tư đăng ký 98.51 triệu USD và 27.081 triệu USD, giải quyết việc làm cho hơn 3.000 công nhân..

*\* Khu công nghệ sản xuất Thuận Yên*

Khu công nghệ sản xuất Thuận Yên nằm xã Tam An, cách trung tâm thành phố Tam Kỳ 2km, có diện tích 148,42ha được quy hoạch theo quy định số 641/QĐ-UB ngày 06/03/2003.

Hệ thống cơ sở hạ tầng kết nối thuận lợi cho hoạt động sản xuất và kinh doanh như việc giao thông quốc lộ 1A và quốc lộ 2B ở Nam, cách sân bay Chu Lai, cách thị trấn Hà 30km về phía tây. Khu công nghệ sản xuất có hệ thống cấp nước và thoát nước riêng biệt thuận lợi cho công tác xử lý nước thải và chất thải nhằm bảo vệ môi trường không gây ô nhiễm môi trường về vấn đề chuyển đổi và xử lý.

Hiện tại khu công nghệ sản xuất nằm trên địa bàn thành phố Tam Kỳ nên luôn áp dụng các quan tâm của chính quyền như miễn thuế thu nhập khu vực về máy móc thiết bị hay giá thuê đất (0,35USD/nm, không bao gồm phí sử dụng hạ tầng)...tốt cho việc đầu tư kết nối cơ sở hạ tầng trong và ngoài khu công nghệ sản xuất và tạo môi trường đầu tư hiện đại có sức hút về các nhà đầu tư.

Khu công nghệ sản xuất Thuận Yên ưu tiên phát triển các ngành công nghệ sản xuất, không gây ô nhiễm môi trường như dệt may, chế biến gỗ, nông sản, sản xuất xi măng và dệt may cao cấp, công nghệ sản xuất dược phẩm, chế biến thực phẩm, chế biến cho ô tô, xe máy, giày da,...

Khu công nghệ sản xuất Thuận Yên hiện nay đã được quy hoạch diện tích 230ha, có 19 dự án đầu tư trong đó có 3 dự án đầu tư từ các nước ngoài và 16 dự án trong nước về công nghệ sản xuất

ng ký h n 376,57 t ng và 19 tri u USD, t l l p y chi m t l 17,93% t o công n vi c làm cho 3.000 công nhân t i ây.

### 2.2.2 ánh giá chung v khu công nghi p

- C s h t ng c a các khu công nghi p u c u t xây d ng ph c v cho quá trình s n xu t.

- Môi tr ng u t c UBND t nh t o l p m t môi tr ng thu n l i, r ng rãi t o i u ki n t t thu hút các nhà u t rót v n u t c a mình s n xu t kinh doanh.

- Các khu công nghi p c xây d ng dần tr i, ch a tr ng i m, ch a c quy ho ch rõ ràng và ng b .

- T i các khu công nghi p thì c s h t ng xã h i còn kém ch t l ng. i u ki n sinh s ng c a các công nhân còn g p nhi u khó kh n nh t i n thuê nhà hàng tháng, không có nhà tr hay h n h t ó chính là không có i m vui ch i gi i trí cho các lao ng m i khi êm v .

- V n gi i phóng m t b ng, n bù còn g p nhi u khó kh n nh gi i quy t không k p th i gian d n n tình tr ng trì tr cho công tác xây d ng.

- Ch t l ng ngu n lao ng ch a c m b o. Vi c a ph ng có ngu n lao ng d i dào nh ng t l s lao ng c ào t o bài b n ch a cao vì v y vi c thu hút c ngu n nhân l c ch t l ng cao v làm vi c là v n áng c quan tâm không ch riêng lãnh o các doanh nghi p mà còn s quan tâm c a UBND t nh.

## 2.3 Th c tr ng thu hút u t vào các khu công nghi p t nh Qu ng Nam trong giai o n 2015 - 2017

### 2.3.1 Tình hình thu hút v n u t c a các khu công nghi p

H i n nay trên a bàn t nh Qu ng Nam có 9 khu công nghi p trong ó có 4 khu công nghi p thu c s qu n lý c a Ban Qu n lý khu công nghi p (nay thu c S Công Th ng) ó là khu công nghi p i n Nam – i n Ng c, khu công nghi p ông Qu S n, khu công nghi p Thu n Yên và khu công nghi p Phú Xuân ( ang xây d ng). H i n 4 khu công nghi p này c quy ho ch theo Quy t nh s 1286/Q -UBND c a U ban nhân dân t nh Qu ng Nam v phê duy t phát tri n công nghi p h tr trên a bàn t nh Qu ng Nam n n m 2020, t m nhìn n n m 2025.

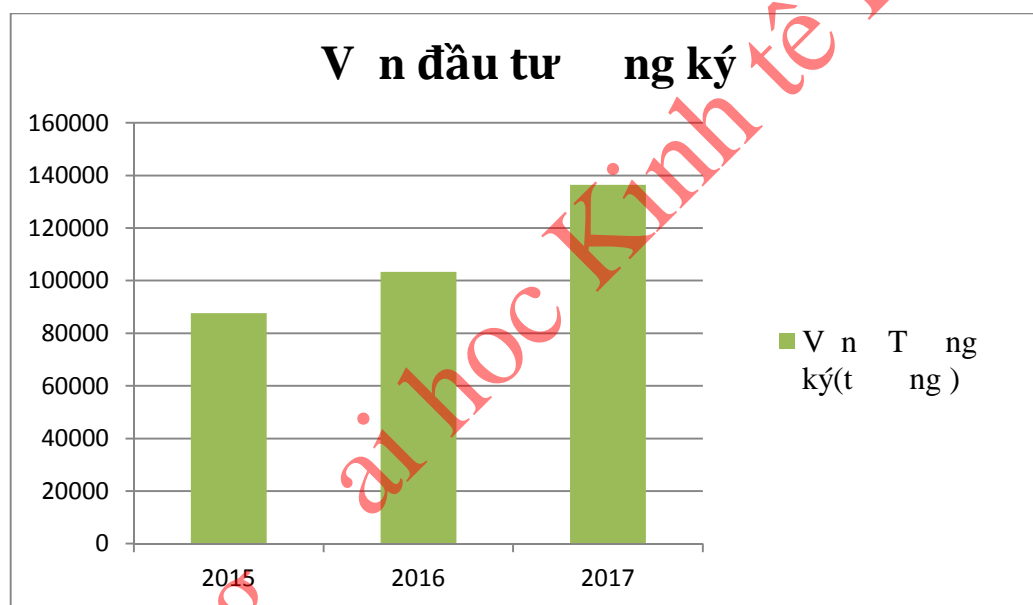
Cùng v i nh ng i u ki n thu n l i v t nhiên và s quan tâm c a chính quy n, 3 khu công nghi p ã thu l i nh ng k t qu sau:

#### **B ng 2.1: K t qu thu hút v n và d án vào các khu công nghi p**

Năm	Vốn đầu tư ký (tỷ đồng)	Dự án
2015	87.590,2	78
2016	103.371,61	88
2017	136.499,9	107

Nguồn: Cục thống kê tỉnh Quảng Nam

Biểu đồ 2.1: Vốn đầu tư ký vào các khu công nghiệp giai đoạn 2015 - 2017



Nguồn: Cục thống kê tỉnh Quảng Nam

Nhìn vào biểu đồ 2.1 và biểu đồ 2.1 số liệu ta có thể thấy vốn đầu tư vào khu công nghiệp qua các năm có xu hướng tăng lên. Trong đó năm 2015 có số vốn đầu tư ký là 87.590,2 tỷ đồng và năm 2016 là 103.371,61, đến năm 2017 tăng lên thành 136.499,9 tỷ đồng; bên cạnh đó số dự án đầu tư vào khu công nghiệp tăng từ 78 dự án đầu tư vào năm 2015 thì năm 2017 là 107 dự án. Sự tăng trưởng này là do chính quyền địa phương ban hành các văn bản ưu đãi quy định như số 12/2016/QĐ-UBND và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn hay quy định số 37/QĐ-UBND về trình tự hồ sơ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 180/2015/NQ-HĐND và các chủ trương khuyến khích đầu tư cho các công trình nhà ở xã hội,...

Số liệu tăng nhanh chóng về vốn đầu tư đã đóng góp rất lớn vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Những thành tựu về số dự án đầu tư, vốn

u t  ng ký v  o c  c khu c  ng nghi  p cho th  y hi  u qu  c  a c  c ch  nh s  ch, ch   tr  ng x  y d  ng c  a ban qu  n l  y v   ch  nh quy  n trong c  ng t  c h   tr   v   x  c t  i n   u t t  i c  c nh   u t trong khu v  c v   th   gi  i.

### 2.3.2 T  nh h  nh thu h  t v  n   u t trong v   ngo  i n  c c  a c  c KCN

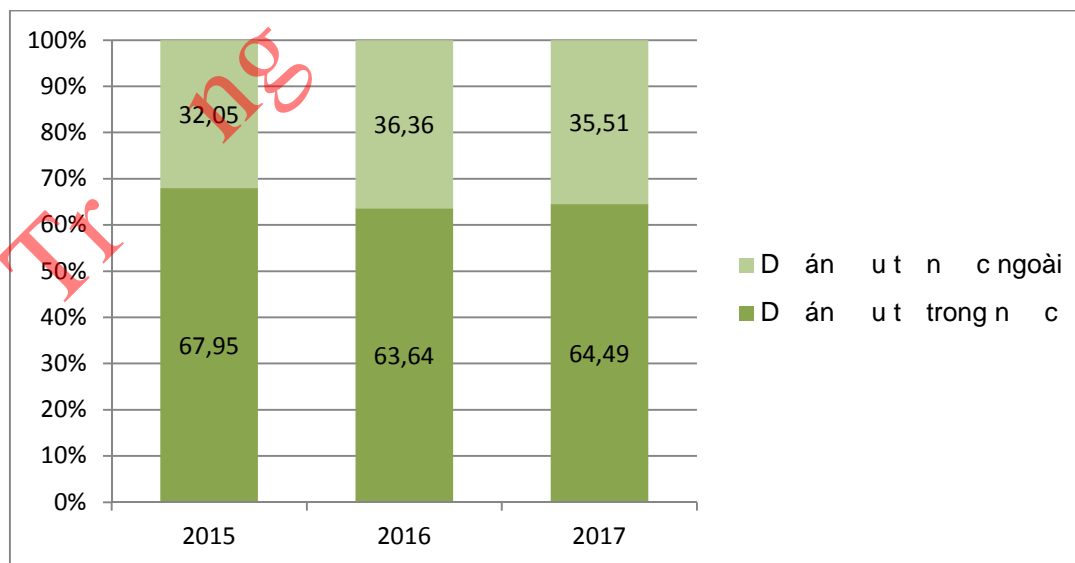
Qua b  ng 2.2 v   bi  u 2.2 d  i  y ta th  y r  ng v   t  ng quan s   l  ng d  n qua c  c n  m c   xu h  ng t  ng l  n nh  ng v   ph  n chia ngu  n v  n trong v   ngo  i n  c ta c   th   th  y r   c   s   l  ng d  n trong v   ngo  i n  c. Theo b  ng s   li  u n  m 2015 c   53 d  n u t trong n  c (ch  i m 67,95%) v   25 d  n u t trong n  c (ch  i m 32,05%); n  m 2016 c   t  ng s   d  n l   88 trong   c   56 d  n trong n  c (ch  i m 63,64%) v   32 d  n trong n  c (ch  i m 36,36%); n  m 2017 c   69 d  n u t trong n  c (ch  i m 64,49%) v   38 d  n u t n  c ngo  i (ch  i m 35,51%).

**B  ng 2.2: D  n u t trong n  c v   ngo  i n  c**

N �m	D �n u t trong n �c	D �n u t n �c ngo �i	T �ng d �n
2015	53	25	78
2016	56	32	88
2017	69	38	107

*Ng  n n  : C  c th  ng k  t nh Qu  ng Nam*

**Bi  u 2.2: C  c u t l   d  n trong v   ngo  i n  c t  i c  c KCN**



*Ng  n n  : C  c th  ng k  t nh Qu  ng Nam*

Vị trí quan trọng nhất của ngành dệt may trong nền kinh tế có xu hướng tăng lên qua các năm. Tổng số đơn đăng ký trong nước vào năm 2015 là 53 đơn, năm 2016 là 69 đơn; trong đó đơn đăng ký ngoài thị trường năm 2015 là 25 đơn, năm 2016 là 32 đơn và năm 2017 là 38 đơn. Tuy nhiên vị trí của đơn đăng ký trong và ngoài nước thì lại giảm sút trong nước và ngoài nước từ 2015 - 2017 có sự biến động tăng giảm, không nên nhầm lẫn các năm, sự chênh lệch này là do biến động quản lý khu công nghiệp đã xảy ra như một phần của xu hướng chuyển đổi cơ cấu kinh tế và phát triển kinh tế xã hội ra ngoài thị trường.

### 2.3.3 Tình hình thu hút vốn đầu tư theo quốc gia các khu công nghiệp

Bảng 2.3: Kết quả thu hút vốn đầu tư nước ngoài ký và đơn đăng ký các dự án

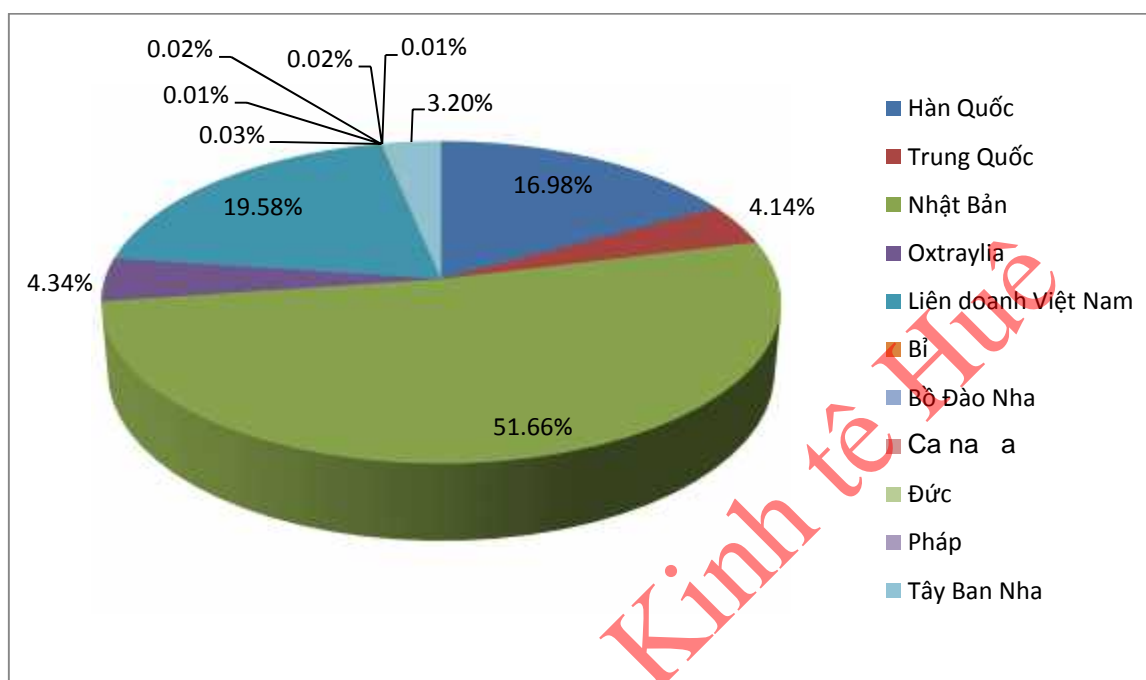
Quốc gia	Số đơn đăng ký dự án	Vốn đầu tư nước ngoài ký (triệu USD)	Tổng vốn đầu tư nước ngoài ký
Hàn Quốc	6	15,90	16,981
Trung Quốc	1	3,876	4,140
Nhật Bản	3	48,371	51,661
Oxtraylia	1	4,062	4,338
Liên doanh Việt Nam	2	18,333	19,580
Bỉ	1	0,03	0,032
Brazil	1	0,01	0,011
Canada	1	0,02	0,021
Châu Âu	1	0,02	0,021
Pháp	1	0,01	0,011
Tây Ban Nha	1	3	3,204
<b>Tổng</b>	<b>19</b>	<b>93,632</b>	<b>100</b>

Nguồn: Cục thống kê thị trường và thương mại Việt Nam

Qua bảng số liệu ta thấy rằng có 10 quốc gia (trừ Việt Nam) đầu tư vào thị trường Việt Nam, đó cho thấy sự cạnh tranh của các quốc gia đầu tư nước ngoài vào thị trường Việt Nam ngày càng gia tăng và phong phú hơn. Số đơn đăng ký dự án là 19 đơn trong đó có 6 đơn của Hàn Quốc; 3 đơn của Nhật Bản; 1 đơn của Trung Quốc, Bỉ, Oxtraylia, Châu Âu, Canada, Pháp, Tây Ban Nha, Brazil. Tổng vốn đầu tư nước ngoài ký là 93.632 triệu USD trong đó Nhật Bản có lượng vốn cao nhất mặc dù số đơn đăng ký chỉ là 3 đơn, tiếp theo là Hàn Quốc với 15.90 triệu USD của Oxtraylia, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Bỉ, Canada, Châu Âu, Pháp, Brazil (trừ Việt Nam).



**Biểu đồ 2.3: Cơ cấu vốn đầu tư nước ngoài theo quốc gia**



Nguồn: Các thống kê tổng hợp của Ngân hàng Thế giới

Quan sát biểu đồ ta có thể thấy rằng cơ cấu vốn đầu tư nước ngoài theo quốc gia vào Việt Nam chủ yếu là nguồn vốn từ nước ngoài chiếm 80,42% và nguồn vốn trong nước chiếm 19,5%. Nhật Bản là nước có các nguồn vốn nước ngoài vào nước ta là nhiều nhất với 51,66% cao hơn 21 lần nguồn vốn trong nước. Sự đa dạng về quốc gia đã làm chứng minh Việt Nam là một thị trường có tiềm năng lớn về phát triển kinh tế.

Điều này cho thấy công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư đã có hiệu quả trong quá trình thu hút vốn đầu tư vào Việt Nam. Qua đây có thể thấy hoạt động xúc tiến đầu tư có vị trí, vai trò vô cùng quan trọng vì vậy các cấp chính quyền cần quan tâm nhiều hơn về yếu tố này.

#### 2.4 Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp Việt Nam

Trong quá trình điều tra thu thập ý kiến của các nhân viên, người lao động, lãnh đạo từ các doanh nghiệp đã thu về 40 mẫu ý kiến của các cá nhân thuộc các doanh nghiệp khác nhau. Qua quá trình xử lý số liệu đã thu về các ý kiến khác nhau về mặt quan trọng của các yếu tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến quá trình thu hút vốn đầu tư vào thị trường.

## 2.4.1 Các yếu tố bên ngoài doanh nghiệp

Thu hút các nhà đầu tư vào các dự án công nghệ chính là một trong những ưu tiên hàng đầu của các nhà đầu tư. Các nhà đầu tư có tiềm năng phát triển, tạo ra lợi nhuận trong một nhà đầu tư và thị trường công nghệ, là những nhân tố ảnh hưởng, chính sách ưu đãi và các chính sách hành chính, các thủ tục.

### 2.4.1.1 Vị trí địa lý

Qua khảo sát cho thấy phần lớn ý kiến cho rằng vị trí địa lý của khu công nghiệp ảnh hưởng rất lớn trong việc thu hút đầu tư. 92,5% các doanh nghiệp khảo sát cho rằng vị trí nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, tiếp giáp với khu kinh tế Dung Quất và khu công nghiệp là những thuận lợi trên trục giao thông Bắc – Nam, đường biển, đường không,... sẽ tạo ra lợi nhuận thu nhập cho công việc của doanh nghiệp như giảm bớt chi phí vận hành cho doanh nghiệp bao gồm chi phí vận chuyển hàng hóa, chi phí vận chuyển, chi phí vận chuyển hàng và xuất hàng. 7,5% còn lại cho rằng vị trí địa lý của các dự án công nghệ, khu công nghiệp nó ít ảnh hưởng đến việc thu hút các nhà đầu tư, mặt khác vì tính chất và hình thức doanh nghiệp không chú trọng nhiều hay vị trí đóng vai trò rất nhỏ trong việc sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp; đó là doanh nghiệp chủ yếu trong quá trình thu hút đầu tư.

**Bảng 2.4: Ảnh hưởng của vị trí địa lý đối với KCN**

Mức độ ảnh hưởng	Tỉ lệ (%)
Hoàn toàn không quan trọng	5
Không quan trọng	2,5
Phân vân	0
Quan trọng	45
Hoàn toàn quan trọng	47,5

*Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm tác giả*

Hiện nay các dự án và các chính sách nhằm khắc phục những hạn chế mà vị trí địa lý đem lại bằng cách xây dựng các cảng biển, các cao tốc, quốc lộ, đường hàng không tiềm năng phát triển của các dự án công nghệ không bị phân chia trong một số nhà đầu tư.

### 2.4.1.2 Nguồn nhân lực

Có thể nói rằng tài nguyên thiên nhiên giàu có là một trong những lợi thế tạo nên sức hút của các dự án công nghệ. Tài nguyên thiên nhiên dồi dào là một trong những yếu tố cần thiết của quá trình hoạt động và sản xuất của các khu công nghệ. Việc tận dụng các khu công nghệ gần nguồn nguyên nhiên vật liệu sẽ giúp các nhà đầu tư giảm chi phí vận chuyển, tiết kiệm chi phí cung ứng vật liệu. Nếu các dự án công nghệ có trình độ

khoáng sản cao, a d ng thì s thu hút r t nhi u các doanh nghi p n ây u t và khai thác t ó xu t hi n nhi u ngành ngh m i t o công n vi c làm cho nhi u lao ng và góp ph n trong quá trình t ng tr ng kinh t c a a ph ng. Có n 97.5% doanh nghi p c kh o sát ánh giá cao ph n i u ki n t nhiên trong ó 47.5% cho r ng ây là v n r t quan tr ng i v i doanh nghi p, nh h ng r t l n n công vi c s n xu t và kinh doanh, óng vai trò l n trong vi c doanh nghi p t t i khu công nghi p.

**B ng 2.5: ánh giá m c nh h ng c a i u ki n t nhiên i v i khu công nghi p**

M c nh h ng	T l ch n (%)
Hoàn toàn không quan tr ng	0
Không quan tr ng	2,5
Phân vân	0
Quan tr ng	50
Hoàn toàn quan tr ng	47,5

*Ng u n: K t qu phân tích d li u c a nhóm tác gi*

Tuy nhiên không ph i tài nguyên thiên nhiên nào c ng vô h n, chính quy n a ph ng c n ph i t ch c th m dò, kh o sát, ánh giá c t i a ph ng có tr l ng khoáng s n là bao nhiêu, bao g m các lo i khoáng s n nào t ó a ra các chính sách, chi n l c, ph ng h ng phát tri n c a các ngành ngh t i ây. Bên c nh ó ph i s d ng tài nguyên thiên nhiên t t ki m và h p lý k t h p v i công tác b o v môi tr ng tránh các thi t h i v môi tr ng nh h ng n cu c s ng c a con cháu mai sau.

Khí h u t i ây r t thu n l i, m i n m ch có 2 mùa, nhi t trung bình h ng n m ch giao ng t 20 - 21°C, l ng m a ây c ng t ng i n nh t o i u ki n thu n l i cho các ngành ch n nuôi bò s a, tr ng mía, hay tr ng l c,..T ó d n n các s phát tri n c a các ngành công nghi p ch bi n th c ph m nh s a h p, hoa qu s y, ng mía,.. làm a d ng hóa l nh v c kinh doanh s thu hút n các nhà u t a thích m o hi m v i các ngành ngh m i.

#### **2.4.1.3 Chính sách u ãi v thuê t ai, thu thu nh p hay các chính sách xúc t i n u t**

Khi các nhà u t vào m t a ph ng hay m t khu công nghi p h luôn mu n t i thi u hóa chi phí c a mình thu c l i nhu n cao, bi t c nhà u t mu n gì và c n gì chính quy n a ph ng luôn h tr , giúp b ng cách ban hành các chính sách u ãi v thu , t ai nh i v i các doanh nghi p trong n c s c mi n phí t i n thuê t thô trong quá trình ho t ng c a d án; còn i v i doanh nghi p n c ngoài ho t ng trong l nh v c kinh doanh k t c u h t ng s c mi n thêm 10 n m. i v i thu

thu nhập doanh nghiệp thì các doanh nghiệp trong nước sẽ chi trả các ưu đãi về miễn thuế thu nhập doanh nghiệp quy định 5 - 10%; và các doanh nghiệp nước ngoài sẽ miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 - 6% (thời hạn từ 3 - 5 năm), sau đó họ sẽ miễn giảm thuế các doanh nghiệp trong nước.

Bên cạnh đó Sở Kế hoạch và Đầu tư luôn đưa ra các hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm mục đích quảng bá các doanh nghiệp trong nước ra nước ngoài và quảng bá các tiềm năng địa phương có tiềm năng, thu hút các quan tâm của các nhà đầu tư chính sách ưu đãi đầu tư, kết cấu hạ tầng, nguồn cung nguyên vật liệu và nguồn lao động và nhiều vấn đề khác. Tất cả giúp các nhà đầu tư hiểu rõ hơn và làm cơ sở cho quá trình quyết định đầu tư vào địa phương hay khu công nghiệp.

**Bảng 2.6: Ảnh hưởng của yếu tố chính sách ưu đãi đầu tư ở khu công nghiệp**

Mức ảnh hưởng	Tỉ lệ (%)	
	Chính sách xúc tiến thương mại và ưu đãi marketing	Chính sách ưu đãi
Hoàn toàn không quan trọng	0	2,5
Không quan trọng	0	2,5
Phân vân	2,5	0
Quan trọng	42,5	22,5
Hoàn toàn quan trọng	55	72,5

*Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm tác giả*

Qua điều tra cho thấy 72,5% ý kiến cho rằng doanh nghiệp rất cần các chính sách ưu đãi của chính quyền địa phương và trong thời gian sắp tới, và 55% cho rằng các hoạt động xúc tiến thương mại của các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư cho doanh nghiệp phát huy hết tiềm năng thông qua sử dụng các chính sách ưu đãi tại các khu công nghiệp. Vì vậy có thể nói rằng hoạt động xúc tiến đầu tư và các chính sách ưu đãi của địa phương là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển của một thị trường nói chung hay một địa phương, khu công nghiệp nói riêng. Vì quá trình chuyển đổi sang trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thì việc thu hút đầu tư nước ngoài đã trở thành xu hướng các nước có nền kinh tế đang phát triển.

#### 2.4.1.4 Thúc đẩy hành chính và các nhân tố khác: lao động, tình hình phát triển kinh tế của khu công nghiệp

Cùng với việc ban hành các chính sách ưu đãi thì việc hỗ trợ trong việc giải quyết các thủ tục hành chính một cách nhanh chóng, không trì hoãn quá trình trung gian nào cũng là điều cần thiết đối với nhà đầu tư. Việc thực hiện “một cửa” sẽ góp phần

giới quy trình ngành các công việc có tính kỹ thuật các nguồn chi phí, ngân sách tổ chức nhân lực và nhà xưởng. Về mặt nhà xưởng, thủ tục hành chính phức tạp trong quá trình thành lập doanh nghiệp là yếu tố quan tâm hàng đầu. Chính vì vậy một khu công nghiệp tốt nên sẽ hỗ trợ thì các dịch vụ hỗ trợ liên quan nhân sự, môi trường, logistics, kế toán sẽ giúp nhà xưởng cảm thấy yên tâm hơn vào hoạt động sản xuất và kinh doanh khi mở doanh nghiệp mình khu công nghiệp.

Với 97.5% doanh nghiệp và các nhà xưởng cảm thấy rút ngắn thời gian thủ tục hành chính là các thủ tục quản lý; rút ngắn thời gian, đơn giản hóa các thủ tục pháp lý,... giúp doanh nghiệp giới quy trình các thủ tục một cách nhanh chóng và thuận tiện khu công nghiệp là lợi thế nhất.

Hiện nay, các nhà xưởng, các doanh nghiệp nhất là trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế hiện nay thì việc nhân lực chất lượng cao đóng vai trò then chốt vì một yêu cầu ngoại ngữ là khá lớn các doanh nghiệp, nhất là các nhà xưởng, các doanh nghiệp ngoài nước. Điều này thực sự là thách thức trong giai đoạn ban đầu của các nhà xưởng, nhất là trong khu công nghiệp có nhân viên có thể giao tiếp bằng tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Hàn,... thì trong quá trình hoạt động có thể giới quy trình các vấn đề phát sinh về thủ tục hành chính một cách dễ dàng.

Từ các kinh nghiệm thu hút nhà xưởng các nước trên thế giới ta có thể nhận thấy rằng giới quy trình thủ tục hành chính nhanh gọn sẽ thu hút được nhiều nhà xưởng. Vì vậy việc tinh giản giảm bớt các giấy tờ thủ tục hành chính và pháp lý là điều cần thiết về mặt khu công nghiệp nói chung.

Lao động là bộ phận trực tiếp tham gia vào các quy trình sản xuất vì thế mà việc phát triển nguồn nhân lực cũng đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc phát triển kinh tế các nước nói chung và địa phương nói riêng. Về nguồn lao động di dân tính đến hết năm 2017 dân số địa phương là 1.494 nghìn người trong đó tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên chiếm 61%, tỷ lệ có thể tham gia nguồn nhân lực địa phương rất dồi dào, nhưng lao động giá rẻ có sẵn sẽ hút về phía các nhà xưởng. Tuy nhiên đây không phải là yếu tố có mặt chính ảnh hưởng đến quá trình thu hút nhà xưởng lao động di dân mà ngược lại chính là rào cản nào sẽ mất thời gian và chi phí trong quá trình đào tạo nguồn nhân lực. Vì vậy các ban quản lý, chính quyền địa phương phải luôn quan tâm, khắc phục về chất lượng nguồn nhân lực nhất là các chương trình đào tạo nghề, liên kết giữa các doanh nghiệp và nhà trường đào tạo nguồn nhân lực tốt hơn, có tay nghề cao.

Qua khảo sát các nhà xưởng, các doanh nghiệp cho rằng lao động là yếu tố quy trình của doanh nghiệp khi đưa vào một khu công nghiệp với 40% ý kiến cho rằng lao động và chất lượng lao động các thủ tục quản lý quy trình thì ít tốn kém hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, mở rộng các kế hoạch, mục tiêu doanh nghiệp

ra có khả năng tốt hay không.

**Bảng 2.7: Đánh giá mức quan trọng của yếu tố thực hành chính và các yếu tố khác ở vùng kinh tế công nghiệp**

Mức độ quan trọng	Tỉ lệ (%)		
	Thực hành chính	Lao động	Tình hình phát triển kinh tế - xã hội
Hoàn toàn không quan trọng	2,5	0	0
Không quan trọng	0	0	0
Phân vân	0	22,5	5
Quan trọng	30	37,5	42,5
Hoàn toàn quan trọng	67,5	40	52,5

*Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm tác giả*

Ở vùng kinh tế công nghiệp các nhà đầu tư luôn quan tâm đến sự phát triển của ngành nghề nào, từng trình độ kinh tế thì đây có ngành không, và ngành nghề nào đang có sự phát triển như vậy thì đó là các cơ hội cho quy tụ nhà đầu tư tiếp theo. Chính vì vậy 95% doanh nghiệp đồng ý về tình hình phát triển kinh tế xã hội của vùng kinh tế công nghiệp yên tâm hơn trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của mình. Có thể nói tình hình kinh tế - xã hội của vùng kinh tế công nghiệp tranh toàn cục khá tốt phát triển của vùng tiếp tục giúp nhà đầu tư có thể nhận thấy cơ hội mới và tiềm năng của vùng và đưa ra quyết định một cách chính xác nhất.

#### 2.4.1.5 Môi trường đầu tư

Có thể nói rằng đây là một trong những yếu tố mà nhà đầu tư luôn quan tâm, xem xét có nên rót tiền vào đây hay không. Bên trong môi trường đầu tư rõ ràng, thoáng và luôn minh bạch thì các chính sách, chế độ của chính quyền địa phương vì nhà đầu tư như thuế, tín dụng tài chính... sẽ rất hấp dẫn. Tuy nhiên các nhà đầu tư có niềm tin chắc chắn nguồn vốn rót vào đây sẽ không như thu hút vốn mà còn từng bước hạn chế.

**Bảng 2.8: Đánh giá mức độ ảnh hưởng của yếu tố môi trường đầu tư**

Mức độ quan trọng	Tỉ lệ (%)
Hoàn toàn không quan trọng	0
Không quan trọng	0
Phân vân	2,5

Quan trọng	35
Hoàn toàn quan trọng	62,5

*Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm tác giả*

Yếu tố môi trường có tác động rất mạnh mẽ tới các vấn đề rủi ro trong xuất nhập khẩu, nhất là trong các lĩnh vực kinh doanh có mức rủi ro - đây là điều mà các nhà xuất khẩu thích mô hình luôn quan tâm. Đánh giá về yếu tố này có 35% đi đến doanh nghiệp cho rằng môi trường xuất quan trọng và có đến 62,5% cho rằng rất quan trọng trong khi không có ý kiến khảo sát nào cho rằng nó không quan trọng. Do đó mỗi doanh nghiệp, nhà phân phối luôn nắm bắt thông tin một cách chính xác nhất để đưa ra các chính sách, chiến lược nhằm xây dựng nên môi trường xuất nhập khẩu lý tưởng trong môi trường xuất nhập khẩu.

## 2.4.2 Các yếu tố bên trong khu công nghiệp

### 2.4.2.1 Vấn đề quy hoạch và giải phóng mặt bằng

Khi các nhà xuất khẩu xem xét xuất nhập khẩu xây dựng tại một khu công nghiệp thì họ luôn mong muốn rằng về chi phí ban đầu thì đầu tư sẽ hoàn thiện một cách nhanh chóng và ít gặp trở ngại trong quá trình thực hiện.

**Bảng 2.9: Đánh giá mức độ quan trọng của yếu tố quy hoạch và giải phóng mặt bằng bên trong khu công nghiệp**

Mức độ quan trọng	Tỉ lệ (%)	
	Quy hoạch KCN	Giải phóng mặt bằng
Hoàn toàn không quan trọng	2,5	2,5
Không quan trọng	0	0
Phân vân	2,5	5
Quan trọng	42,5	42,5
Hoàn toàn quan trọng	52,5	50

*Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm tác giả*

Trong quá trình khảo sát có 50% trở lên các cá nhân cho rằng hai yếu tố này ảnh hưởng rất lớn tới quá trình thu hút vốn đầu tư bên trong không quy hoạch và giải phóng mặt bằng thì hệ thống kết cấu hạ tầng, hệ thống giao thông vận chuyển hàng hóa, môi trường xuất nhập khẩu, các chính sách thuế không thể chi tiết rõ ràng trong quá trình hoạt động và sản xuất của doanh nghiệp.

Vì vậy thu hút các nhà xuất khẩu thì chính quyền địa phương phải luôn quan tâm quy hoạch và giải quyết vấn đề mặt bằng một cách nhanh chóng các nhà xuất khẩu thể hiện đầu tư một cách có hiệu quả.

### 2.4.2.2 Cơ sở hạ tầng và hạ tầng dịch vụ

Thời gian trước các khu công nghiệp chưa chú trọng đến cơ sở hạ tầng, vì thế hiện

khối b i, mùi hôi th i, ... t t c ch t th i u ch a c x lý d n t i ô nhi m môi tr ãng hay v h th ãng an ninh, ... T t c tr thành v n gây nh h ãng l n n ho t ãng kinh doanh và s n xu t c a nhi u doanh nghi p, nhi u nhà u t . V i vai trò là n i t p trung s n xu t c a nhi u doanh nghi p, h th ãng c s h t ãng ngày c c i thi n, nâng cao không ãng ãng nh m góp ph n c i thi n môi tr ãng, gi i quy t v n chi phí thu gom x lý ch t th i cho các doanh nghi p v a và nh , c ãng nh toàn b doanh nghi p trong khu công nghi p. C i thi n h th ãng an ninh khu công nghi p và tình hình tr an xung quanh ti t ki m chi phí b o v cho các doanh nghi p

**B ãng 2.10: ánh giá m c nh h ãng c a y u t c s h t ãng và h th ãng d ch v bên trong khu công nghi p**

M c nh h ãng	T l ch n (%)	
	C s h t ãng	H th ãng d ch v
Hoàn toàn không quan tr ãng	0	2,5
Không quan tr ãng	0	2,5
Phân vân	2,5	2,5
Quan tr ãng	30	42,5
Hoàn toàn quan tr ãng	67,5	50

*Ng u n: K t qu phân tích d li u c a nhóm tác gi*

Theo kh o sát có th cho r ãng h th ãng c s h t ãng hi n i s có tác ãng l n t i các nhà u t do y u t này chỉ m 67,5% m c hoàn toàn quan tr ãng. B i h th ãng h t ãng nh h ãng n ch t l ãng, hi u qu c a quá trình ho t ãng và s n xu t c a doanh nghi p. ãng th i khi h th ãng d ch v nh giao thông, c p thoát n c, x lý rác th i, b u chính vi n thông, ngân hàng, ... c nâng cao, có ch t l ãng t t s góp ph n làm gi m thi u các chi phí mà doanh nghi p b ra x lý, duy trì n nh các ho t ãng s n xu t kinh doanh, t o i u ki n thu n l i cho vi c n m b t thông tin, m r ãng và nâng cao n ãng s u t ho t ãng. Do ó giúp cho doanh nghi p có l i th c nh tranh so v i các doanh nghi p n i khác. M c dù v n có 5% nh ãng ý ki n kh o sát cho r ãng h th ãng d ch v không quan tr ãng nh ãng ó là con s không áng k .

Th e t cho th y, nhi u khu công nghi p nh B c Ninh, Qu ãng Ninh luôn ch m lo cho công tác nâng c p c s h t ãng ngày càng tiên ti n bên c nh ó ban qu n lý khu công nghi p còn cho xây d ãng các khu vui ch i, gi i trí cho hàng ngàn công nh n, lao ãng làm vi c t i khu công nghi p.

Khi có h th ãng c s h t ãng cùng v i h th ãng d ch v tiên ti n, hi n i s thu n l i cho quá trình ho t ãng c a doanh nghi p t ó góp ph n trong vi c gây nh h ãng t i thu hút v n u t c a các khu công nghi p. V i v y có th cho r ãng hai y u t này óng vai trò vô cùng quan tr ãng và là nh ãng m c tiêu then ch t mà các c p chính quy n t nh c n c i thi n và nâng cao h n n a t ãng s c hút i v i nhà u t . áy là



vấn đề trọng tâm và vấn đề lâu dài, góp phần phát triển bền vững các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp công nghệ cao ở thành phố Hồ Chí Minh.

### 2.4.2.3 Quản lý của Nhà nước ở vùng công nghiệp

**Bảng 2.11: Đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự quản lý của Nhà nước ở vùng công nghiệp**

Mức độ ảnh hưởng	Tỉ lệ (%)
Hoàn toàn không quan trọng	0
Không quan trọng	5
Phân vân	10
Quan trọng	40
Hoàn toàn quan trọng	45

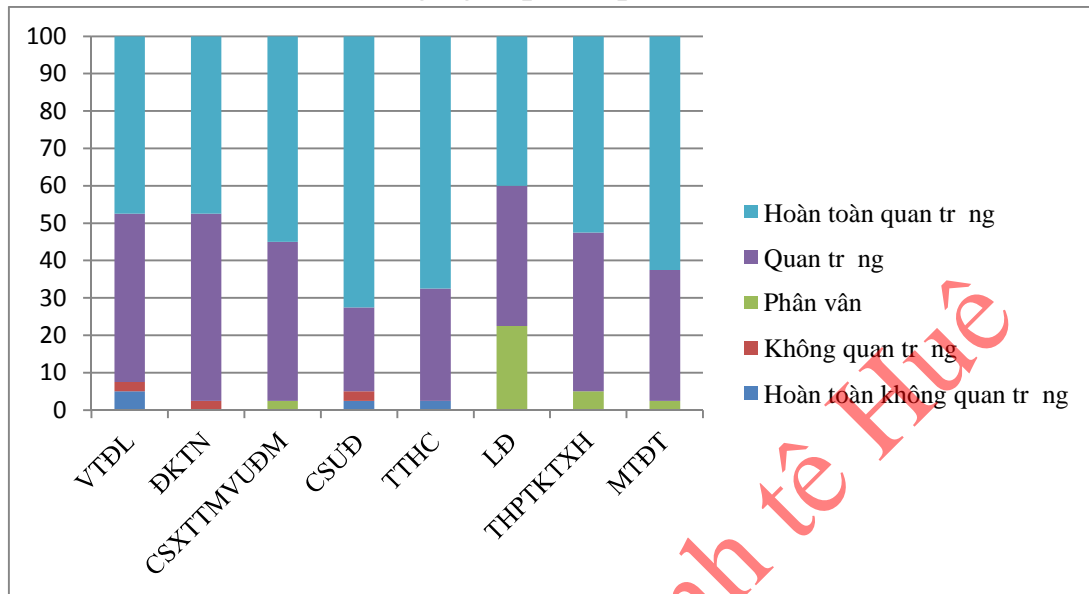
*Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm tác giả*

Theo khảo sát có 80% ý kiến về sự quản lý của Nhà nước tại các khu công nghiệp có tác động tích cực thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp. Có thể có 40% cho rằng quản lý quan trọng và 45% cho rằng hoàn toàn quan trọng, chỉ có 5% cho rằng không quan trọng. Quản lý này có thể nói đến năng lực và thái độ làm việc của lãnh đạo, biên lãnh đạo thường xuyên quan tâm, chi tiết tình hình, hỗ trợ giúp trong quá trình hoạt động và phát triển thì mới doanh nghiệp sẽ có những niềm tin riêng biệt, tạo ra môi trường thuận lợi thu hút vốn đầu tư hoặc có thể chấp nhận trong quá trình tìm kiếm các nhà đầu tư sáng giá. Những ban quản lý khu công nghiệp thường xuyên hỗ trợ trong việc quy hoạch, giải quyết các doanh nghiệp và các nhà đầu tư hay thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư, giảm bớt các doanh nghiệp trao đổi các vấn đề còn thắc mắc giữa doanh nghiệp và địa phương. Có thể nói rằng ban quản lý khu công nghiệp, hay chính quyền địa phương là nền tảng, những người hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư nên sẽ thu hút được các nhà đầu tư có góp phần làm tăng trưởng nền kinh tế của vùng và địa phương.

### 2.4.3 Kết luận

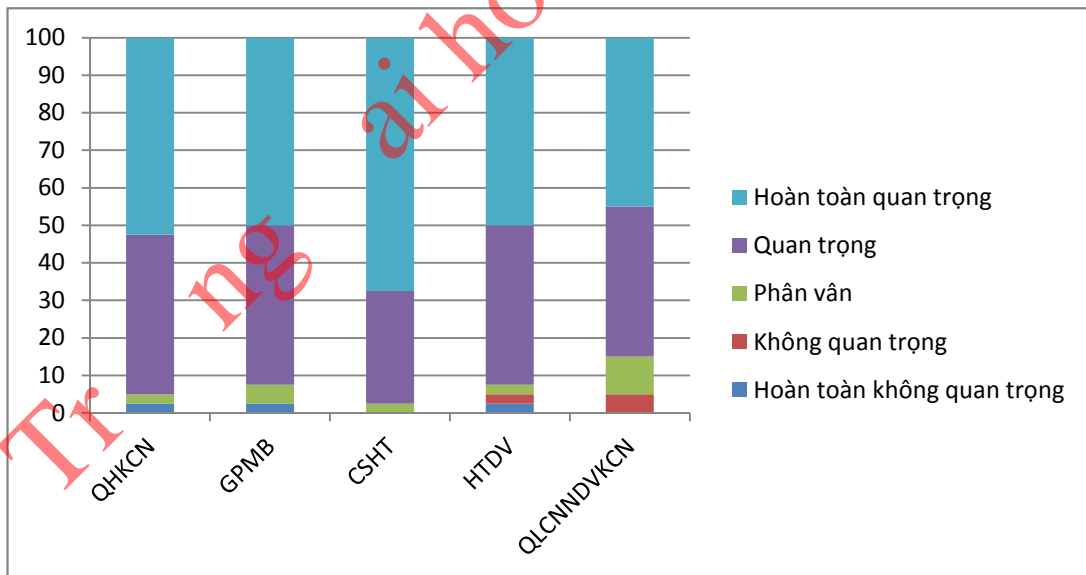
Sau quá trình điều tra khảo sát và xử lý số liệu lấy ý kiến của các cá nhân về các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thu hút vốn vào khu công nghiệp, chúng tôi đã phân tích phía trên và đưa ra kết quả tổng hợp thông qua biểu đồ 3.3 và biểu đồ 3.4. Qua biểu đồ ta có thể thấy rằng 3 yếu tố chính sách thuế, thủ tục hành chính và cơ sở hạ tầng là các yếu tố có ảnh hưởng tích cực nhất đến việc thu hút nguồn vốn đầu tư vào các khu công nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh.

**Biểu đồ 3.3: Tỷ lệ mức nhận thức về các yếu tố bên ngoài KCN thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp sau quá trình điều tra khảo sát**



Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm tác giả

**Biểu đồ 3.4: Tỷ lệ mức nhận thức về các yếu tố bên trong KCN thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp sau quá trình điều tra khảo sát**



Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của nhóm tác giả

Từ kết quả phân tích yếu tố nhận thức về nhân tố thu hút vốn đầu tư, chúng tôi dựa theo nhận xét đánh giá có mặt nhận thức về nhân tố thu hút vốn đầu tư để phân tích những khó khăn, thuận lợi mà địa phương đang có và đưa ra các giải pháp khắc phục và phát triển các khu công nghiệp thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp.

## 2.5 Nh ̣ng thu n l i và khó kh ̣n trong vi c thu hút u t vào các khu công nghi p t nh Qu ng Nam

### 2.5.1 Thu n l i

- V i các chính sách, c ̣ch c a trung ̣ng c ng nh ̣ a ph ̣ng trong các l nh v c kinh doanh hay các th ̣t c liên quan n khu công nghi p ã và ang ngày càng c hoàn thi n h n, góp ph n không nh ̣ trong vi c ho t ̣ng và xây d ̣ng c môi tr ̣ng thu hút u t trong và ngoài n ̣c. Bên c nh ̣ ó Ban qu n lý các khu công nghi p hay chính quy n a ph ̣ng c ng ã a ra các chính sách nh ̣ mi n thu , mi n ti n thu ̣t, hay xúc ti n u t ,... ã t o nhi u i u ki n thu n l i cho nhà u t khi rót v n vào a ph ̣ng.

- Vi c di r i, t p trung các doanh nghi p v thành các khu công nghi p, khu kinh t ,... ngày càng c quan tâm, ch ̣o th c hi n ngày càng tuân th ̣ theo quy trình ch t ch ̣ và có tính khoa h c, m b o phù h p v i các ch ̣ng trình quy ho ch t ng th phát tri n kinh t xã h i, quy ho ch các ngành công nghi p trên a bàn. M i khu công nghi p c quy ho ch t i m i a i m c th nh m t n d ̣ng c các ngu n cung t i ch hay thu n l i xây d ̣ng các h th ng c s tiên ti n k t n i v i c s h t ng giao thông nh n m g n các c ng, ̣ng qu c l , sân bay,... V i v trí a lý n m trong vùng kinh t tr ng i m c a duyên h i mi n Trung, n i giao l u kinh t gi a khu kinh t Dung Qu t, các khu công nghi p à N ng và các t nh thành Tây Nguyên góp ph n t o ra các i u ki n thu n l i trong vi c v n chuy n hàng hóa, nguyên v t li u gi a các khu công nghi p, các khu công nghi p và khu kinh t hay i xu t kh u ra n ̣c ngoài.

- Vi c y quy n các ban qu n lý c a t ng khu công nghi p ã góp ph n trong vi c gi i quy t các th ̣t c hành chính th c hi n theo c ̣ch “m t c a” ã ti t ki m c chi phí và th i gian t o i u ki n thu n l i cho nhà u t trong và ngoài n ̣c h n. Bên c nh ̣ ó các ho t ̣ng nh ̣ vi n thông, ngân hàng hay h th ng c p n c, x lý rác th i,... ã t o ra môi tr ̣ng thu n l i, ti n d ̣ng trong quá trình s n xu t và ho t ̣ng c a doanh nghi p.

- Dân s t nh Qu ng Nam vào n m 2017 g n 1.494 nghìn ng i trong ó l c l ng lao ̣ng t 15 tu i tr lên c a a ph ̣ng t 913,4 nghìn ng i t ng g n 11,4 nghìn ng i so v i n m 2016. T ó có th ̣ cho th y qua các n m l c l ng lao ̣ng t i a ph ̣ng ngày càng t ng lên, b sung cho nhau gi a các n m. V i c i m ngu n lao ̣ng d i dào, lao ̣ng tr , n ng ̣ng, sáng t o khi n cho các nhà u t có th ̣ tuy n d ̣ng nh m ph c v cho quá trình s n xu t c a doanh nghi p và t n d ̣ng c ngu n cung nhân l c t i ch gi m b t c chi phí v nhân l c.

- Bên c nh ̣ ó các ch ̣ng trình chính sách c a chính quy n a ph ̣ng ã và ang h tr , c i thi n môi tr ̣ng u t , nh ch ̣ng trình hành ̣ng c t gi m chi phí cho doanh nghi p góp ph n gi m gánh n ng v chi phí kinh doanh c a doanh nghi p (theo

Nghị quyết số 177/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ), chương trình hợp tác kinh doanh giữa Việt Nam và các nước khác, thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài và thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào các ngành kinh tế trọng điểm, ưu tiên các nhà đầu tư Việt Nam hay các công ty có vốn đầu tư nước ngoài. “Nâng cao hiệu quả chương trình kết nối Ngân hàng - doanh nghiệp 2017” nhằm hỗ trợ, giúp các doanh nghiệp vay và nhả có thể dễ dàng tiếp cận nguồn vốn hùn nhả qua các chương trình, gói tín dụng của các ngân hàng,...

- Ban hành các nghị quyết, các quy định nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình phát triển các lĩnh vực kinh doanh. Các Nghị quyết nhằm nâng cao các chỉ số phát triển khoa học và công nghệ như Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND hay quy định số 951/QĐ-UBND về triển khai thực hiện các chương trình khuyến khích đầu tư xây dựng các công trình công nghệ trọng điểm giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn,...

### 2.5.2 Khó khăn

Bên cạnh các thuận lợi nêu trên vẫn còn tồn tại những khó khăn gây ảnh hưởng đến việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài nói chung và khu công nghiệp nói riêng. Có thể kể đến những phát triển của các khu công nghiệp đang gặp những khó khăn như:

- Các khu công nghiệp chưa tận dụng hết tiềm năng mà tiềm năng khu công nghiệp có khi không cho việc thu hút đầu tư các dự án công nghệ cao, vốn đầu tư còn ít gây ảnh hưởng đến sự phát triển của khu công nghiệp.

- Mặc dù chính quyền địa phương luôn cố gắng xây dựng môi trường thu hút đầu tư, cơ sở hạ tầng hiện tại thu hút các nhà đầu tư tuy nhiên nó chỉ dừng lại trên lý thuyết còn thực hành thì không thấy đâu tiềm năng của khu công nghiệp cơ sở hạ tầng còn kém, thiếu đường bộ. Ví dụ như khu công nghiệp Thuận Yên mặc dù có vị trí thuận lợi trên địa bàn thành phố Tam Kỳ nhưng việc quy hoạch các doanh nghiệp tập trung vào một khu công nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, chưa di dời ra khỏi địa phương khu công nghiệp, hạ tầng cơ sở thoát nước còn kém, hạ tầng giao thông vận tải chưa được nâng cao, chất thải tập trung thành ống phía trước khu công nghiệp,...hay nói xa hơn đó chính là khu công nghiệp miền Nam – miền Bắc cũng gặp nhiều khó khăn trên thị trường miền Bắc mặc dù đã thể hiện tiềm năng quy hoạch các doanh nghiệp, hạ tầng hạ tầng nhưng ngân sách đầu tư tuy nhiên trong khu công nghiệp còn tồn tại nhiều bất cập, thiếu vốn đầu tư, thiếu vốn đầu tư, thiếu vốn đầu tư và ngân sách đầu tư trong khu vực gây ảnh hưởng đến quá trình vận chuyển hàng hóa của các doanh nghiệp.

- Thiếu nguồn nhân lực lao động tại các khu công nghiệp còn chưa chú ý đến khu vực nông thôn, vui chơi giải trí, nhà ở gây ảnh hưởng đến nhu cầu phát triển của ngành nông nghiệp.

- Theo niên giám thống kê tỉnh Quảng Nam năm 2017 thì tỷ lệ lao động nông nghiệp chiếm 15% tổng dân số, trong đó có thể thấy công tác đào tạo nghề tại địa phương vẫn chưa đáp ứng nhu cầu

c a các doanh nghi p. Ch t l ng ngu n lao ng ch a áp ng c trình phát tri n c a các khu công nghi p, khi n cho các doanh nghi p ph i thuê lao ng t các a ph ng khác v a nh h ng n quá trình thu hút v n u t v a làm t ng t l th t nghi p càng cao.

- M t s khu công nghi p chú tr ng n c s h t ng nh ng v n không có s c hút i v i các nhà u t do t l l p y còn th p, gây lãng phí ngân sách nhà n c trong quá trình u t .

- M c dù chính quy n a ph ng luôn ban hành các chính sách nh m h tr doanh nghi p tuy nhiên v n t n t i các nh c i m nh tính nh t quán ch a c cao, ch a s c hút thu hút ngu n v n u t và s đ ng m t các có hi u qu c ti m n ng mà a ph ng có.

- V n gi i phóng m t b ng còn nhi u khó kh n, t i các khu công nghi p v n còn t n t i nhà dân khi n cho tình tr ng này c kéo dài gây c n tr v i c các nhà u t vào khu công nghi p. Bên c nh ó do thi u ngân sách trong quá trình gi i phóng m t b ng và do chính sách còn ch a th ng nh t, th t c không c gi i quy t m t cách nhanh chóng.

- Công tác b o v môi tr ng các KCN v n ch a c th c hi n nghiêm túc, c th nh v i c các tr m x lý n c th i ch a c xây đ ng hoàn thi n đ n n tình tr ng n c th i không c x lý theo quy trình ã x th ng ra môi tr ng bên ngoài. Trong khi ó, công tác qu n lý và giám sát, ki m tra v x lý môi tr ng c a các ngành ch c n ng t nh còn l ng l o, ch a duy trì th ng xuyên nên các doanh nghi p th ng x lý theo hình th c i phó. Do ó, ô nhi m môi tr ng t i các KCN tr thành m t v n áng quan tâm hi n nay.

## TÓM L I

Qu ng Nam là m t trong các t nh có nhi u l i th v phát tri n ngành công nghi p nh n m trong vùng kinh t trong i m, n i giao l u gi a các khu công nghiệp, khu kinh t hay là vùng có ngu n cung ng nguyên li u a d ng, ngu n nhân l c d i dào, h th ng k t c u h t ng giao thông a d ng. Tính n n m 2017 ã quy ho ch c 1.185,72 ha, thu hút c 98 d án u t trong ó có 38 d án có v n u t n c ngoài và 69 d án có v n u t trong n c v i t ng v n u t ng ký là 5.308,86 t ng và 5.703,985 tri u USD, gi i quy t vi c làm cho 29.000 lao ng. T ó có th th y r ng chính quy n a ph ng ã và ang h tr m t cách t i u nh t xây d ng c m t môi tr ng tiên tí n, thông thoáng cho vi c u t nh các ch ng trình xúc tí n u t , th t c hành chính,..

Sau khi phân tích nh ng y u t nh h ng n quá trình thu hút v n trong và ngoài n c chính quy n a ph ng ang c g ng kh c ph c nh ng khó kh n trong quá trình xây d ng môi tr ng u t nh v n quy ho ch, gi i phóng m t b ng, i s ng tình th n c a ng i lao ng,.. thu hút c ngu n v n u t góp ph n phát tri n kinh t - xã h i c a vùng và a ph ng.

### CHƯƠNG 3: NHẢY NG VÀ M T S GI I PHÁP NH M T NG C NG THU HÚT U T VÀO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP P T NH QU NG NAM

#### 3.1 nh h ng và m c tiêu nh m t ng c ng thu hút u t vào các khu công nghiệp p t nh Qu ng Nam.

##### 3.1.1 nh h ng

Theo ngh quy t i h i i bi u ng b t nh Qu ng Nam l n th XXI, nhi m k 2015 – 2020 ã đ báo r ng n n kinh t Vi t Nam s tham gia y các hi p nh ã cam k t, h i nh p qu c t v i t m m c sâu r ng h n nhi u so v i th i k tr c. i u ó s t o ra nhi u c h i thu n l i phát tri n kinh t - xã h i, nh ng c ng mang n nhi u khó kh n, thách th c, nh t là c nh tranh v kinh t , th ng m i.

T ó i h i ã ra : “nh ng thành t u ã t c trong nhi m k qua trên các l nh v c, nh t là k t c u h t ng kinh t - xã h i tr ng y u ã và ang hoàn thi n a vào khai thác; ngu n nhân l c d i dào; m i quan h h p tác v i các t nh trong Vùng kinh t tr ng i m mi n Trung s c phát huy; t i m n ng v kinh t bi n, phát tri n nông nghi p, công nghi p, th ng m i, d ch v còn r t l n là i u ki n thu n l i cho s phát tri n c a t nh trong th i gian n.”

Vì th : “huy ng m i ngu n l c và t o b c t phá trong thu hút u t phát tri n kinh t nhanh, b n v ng; nâng cao i s ng v t ch t và tinh th n c a nhân dân;...”

t c nh ng gì m c tiêu t ng quát mà i h i ra thì c n ph i t c các chi tiêu nh sau:

- T c t ng tr ng GRDP bình quân (theo ph ng pháp tính m i) t 10 - 10,5%/n m.
- GRDP bình quân u ng i n m 2020 t trên 75 tri u ng (t ng ng 3.400USD).
- Thu nh p bình quân u ng i vào n m 2020 t trên 45 tri u ng (t ng ng 2000 USD).
- T tr ng các ngành trong GRDP: nông nghi p kho ng 10%, công nghi p – xây d ng kho ng 46%, d ch v kho ng 44%.
- Huy ng v n u t toàn xã h i hàng n m trên 30% GRDP.

Bên c nh ó i h i còn ch ra nh ng nhi m v tr ng tâm hoàn thi n các ch tiêu ra : “T i p t c th c hi n hi u qu các nhi m v t phá g n v i c c u l i và i m i mô hình t ng tr ng kinh t . y m nh chuy n d ch c c u kinh t theo h ng t ng nhanh t tr ng công nghi p, d ch v . Tái c c u u t , tr ng tâm là u t công; huy

ng t i a các ngu n l c cho u t phát tri n; nâng cao n ng su t các y u t t ng h p;...”

V phát tri n kinh t , ngh quy t ch rõ:

- C n ph i chuy n d ch c c u kinh t b n v ng giúp các ngành, l nh v c t n d ng c ngu n l c s n có nâng cao n ng su t, thúc y c i thi n ch t l ng lao ng. Tái c c u các ngành theo h ng gi m d n u vào là tài nguyên, lao ng gi n n, t ng d n hàm l ng công ngh và giá tr gia t ng c a s n ph m nh m t ng n ng su t lao ng. H tr hình thành các c m ngành công ngh , n ng su t cao đ a trên l i th c nh tranh c a t nh.

- Phát tri n công nghi p b n v ng g n li n v i phát tri n k t c u h t ng và s d ng tài nguyên hi u qu . T ng c ng u t c s h t ng t i các khu công nghi p, khu kinh t sau ó m r ng và nâng c p quy mô các c m công nghi p thành các khu công nghi p.

- T p trung phát tri n công nghi p ch bi n, ch t o; i n t và vi n thông, công ngh thông tin, n ng l ng m i. Trong ó c n t p trung phát tri n các ngành ch l c, có l i th ; u tiên phát tri n các ngành công nghi p ch t o và các ngành công nghi p ph tr ph c v các ngành công ngh p ch l c. Khai thác m t cách có hi u qu n ng l ng th y i n, thúc y phát tri n các d ng n ng l ng m i và tái t o.

- m b o huy ng t ng v n u t toàn xã h i chi m trên 30% t ng s n ph m trong t nh và s d ng m t cách có hi u qu , t i t ki m ngu n v n t ngân sách nhà n c. T p trung các đ án có v n u t t ngân sách nhà n c vào các công trình tr ng i m và chi m t ph n vào công tác i ng ODA và gi i phóng m t b ng.

- Ch tr ng u t vào các đ án úng quy trình và m b o c m c tiêu kinh t - xã h i, có tính kh thi , cân i c ngu n l c t i a ph ng.

- Xem xét l i các đ án ã giao t và x lý các đ án sai quy ho ch; khuy n khích t o i u ki n phát tri n cho các đ án công.

V phát tri n vùng, ngh quy t nêu rõ: “ u tiên phát tri n trung tâm c khí a d ng, công nghi p h tr ; phát tri n công nghi p s n xu t l p ráp ô tô, linh ki n i n t , công nghi p ch bi n, n c gi i khát trong các Khu Công nghi p B c Chu Lai, Tam Anh, Tam Hi p. T i p t c phát tri n Khu Công nghi p i n Nam - i n Ng c, ch y u là các ngành công nghi p nh , công nghi p k thu t cao, công nghi p ch bi n l ng th c. L p y các Khu - C m công nghi p theo quy ho ch: Tr ng Nh t, Thu n Yên, Phú Xuân, Tam Th ng, Tr ng Xuân... Hình thành các khu nông nghi p vành ai quanh các khu du l ch, các ô th , thúc y phát tri n các làng ngh truy n th ng nh m t o c nh quan, làm h u c n cho phát tri n du l ch và ô th .”

Bên c nh ó th ng xuyên t ng c ng m i quan h liên k t thúc y phát tri n gi a các khu công nghi p. T p trung xây đ ng nâng c p h th ng c s h th ng quan



trung, chủ yếu là lâm nghiệp và thủy sản.

Chỉ thị về công nghiệp và phát triển kinh tế hay phát triển vùng thì cần phải xây dựng, phát triển các khu công nghiệp trong giai đoạn tiếp theo. Việc xây dựng và phát triển khu công nghiệp cần phải phù hợp với công nghiệp phát triển mà Nghị quyết đã đề ra; bên cạnh trong quá trình phát triển khu công nghiệp cần phải khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý, tiết kiệm, bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp.

### 3.1.2 Mục tiêu

Chỉ thị về công nghiệp và phát triển kinh tế của Nghị quyết đã đề ra những nhiệm vụ trọng tâm của Quy hoạch kinh tế – xã hội 2015 – 2020 thì các ban quản lý, chính quyền địa phương cần phải thực hiện các mục tiêu đó là:

*Thứ nhất*, phát triển nâng cấp, mở rộng quy mô, cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp; tăng cường thu hút các khu công nghiệp và làng nghề, khu kinh tế thu hút đầu tư.

*Thứ hai*, xây dựng và hoàn thiện hạ tầng xã hội ở thị trấn trung, tiên tiến tại mỗi khu công nghiệp.

*Thứ ba*, đẩy mạnh quá trình thu hút đầu tư vào các dự án tại các khu công nghiệp tập trung tại địa phương để phát triển công nghiệp.

*Thứ tư*, tạo công ăn việc làm cho người quy tụ về tình trạng thất nghiệp và góp phần trong công tác xóa đói, giảm nghèo.

*Thứ năm*, xây dựng và hoàn thiện các khu công nghiệp toàn diện tạo ra môi trường đầu tư hấp dẫn.

## 3.2 Mục tiêu và phương pháp mở rộng thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp tại Quy hoạch Nam

### 3.2.1 Tạo ra và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tăng cường các lớp đào tạo nâng cao tay nghề cho lực lượng lao động, nhất là đào tạo lực lượng lao động kỹ thuật trong ngành. Ngoài ra, mở các lớp tập huấn về tác phong làm việc, kỹ năng làm việc nhóm, ý thức kỷ luật trong lao động. Tập trung công tác hướng nghiệp cho học sinh cuối cấp và vai trò, vị trí của người công nhân lành nghề.

Đảm bảo thị trường phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề và việc làm cho các tầng lớp, trung tâm dạy nghề mở ra cho học viên ra trường có thể tiếp cận công nghệ tiên tiến, công nghệ có lành nghề kỹ thuật khi làm việc tại các KCN. Kết hợp với các chương trình xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người dân. Đồng thời, khuyến khích các cơ sở đào tạo mở thêm các ngành nghề mới, mở rộng hình thức đào tạo

k p th i áp ng nhu c u c a các doanh nghi p. ào t o ngh theo n t hàng c a doanh nghi p.

ra các ch ng trình tuy n ch n và ào t o i ng cán b qu n lý có trình , n ng l c chuyên môn cao. y m nh giao l u h c t p t i các KCN l n các t nh, thành khác nh m nâng cao ki n th c và kinh nghi m th c ti n.

Ho ch nh các chính sách thu hút nhân tài nh h tr nhà c a, tài chính,... m i g i các công nhân lành ngh b c cao, nh ng k s gi i. Qua ó nâng cao n ng su t lao ng và ch t l ng công vi c.

### 3.2.2 y m nh c i cách th t c hành chính và hoàn thi n các c ch chính sách

Chú tr ng v n t i gi n hóa các th t c hành chính liên quan n thu hút u t nh ng v n ph i rõ ràng, minh b ch. Nâng cao hành vi ng x c a t ng công ch c trong các c quan qu n lý.

Các th t c hành chính t i p t c phát tri n và duy trì h th ng x lý “m t c a” t i t ki m c th i gian và chi phí cho nhà u t . Bên c nh ó trong quá trình th m nh m t d án c n rút ng n th i gian và m b o chính xác.

Xây d ng, ban hành nh ng chính sách u ãi u t m i nh ng v n theo quy nh và mang tính h p d n, c thù h n so v i chính sách c a các KCN, khu kinh t lân c n, khu Kinh t M Chu Lai,..

Th hi n s quan tâm c a chính quy n t nh b ng cách a d ng các hình th c khuy n khích, h tr trong u t cho các doanh nghi p; th ng xuyên m các h i ngh xúc ti n u t qu ng bá doanh nghi p a ph ng ra ngoài a ph ng nói riêng và th gi i nói chung; t n d ng các công c phát thanh, truy n hình, sách báo có th qu ng báo, cung c p y thông tin mà nhà u t c n t ó tác ng n quá trình thu hút v n u t .

Có v n b n h ng d n c th i v i các quy nh c a chính ph ; t o i u ki n thu n l i cho nhà u t t i p nh n k p th i, y các chính sách u ãi hi n hành c a nhà n c. C n có quan i m bình ng i v i các doanh nghi p trong và ngoài n c trong c ch qu n lý và xây d ng các chính sách u ãi. ng th i, các lãnh o c p t nh c n t ch c các bu i g p g doanh nghi p nh k nh m gi i áp nh ng th c m c, khó kh n, sau ó cùng a ra h ng gi i quy t phù h p.

Xây d ng trang web riêng c a ban qu n lý khu công nghi p các nhà u t doanh nghi p có th t i p c n c thông tin m t cách nhanh chóng, t i n l i h n.

Ph i h p ch t ch các ban ngành nh m góp ph n giúp , h tr các doanh nghi p m t cách t t nh t.

### 3.2.3 Nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng

Kết cấu hạ tầng là yếu tố quan trọng trong công tác thu hút vốn đầu tư công nghiệp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đa dạng hóa các hình thức kêu gọi đầu tư vốn trong xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, phối hợp hài hòa giữa nguồn vốn ngân sách với nguồn vốn của các doanh nghiệp. Tìm hiểu chi tiết về các nhà xây dựng cơ sở hạ tầng chất lượng, đảm bảo nhu cầu thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.

Yêu cầu nhanh tiến xây dựng các cơ sở hạ tầng chất lượng cao hoàn thiện, như khu công nghiệp Đông Quỳ Sơn, hay khu công nghiệp Thuận Yên. Đầu tư thêm kinh phí xây dựng hạ tầng xanh lý tưởng, các dự án bảo vệ môi trường trong và ngoài các KCN.

Xây dựng và mở rộng kết cấu hạ tầng nội liên các KCN cạnh tranh so với các trung tâm kinh tế - xã hội như Hà Nội, Quảng Ngãi,...nhằm mở rộng thêm tuyến đường biển, không nhằm đa dạng hóa phương thức vận chuyển hàng hóa.

Hỗ trợ xây dựng các công trình vui chơi, giải trí, nhà ở cho công nhân, bên cạnh đó nâng cấp các dịch vụ như bệnh viện, ngân hàng, viễn thông,...nhằm tạo ra môi trường làm việc hấp dẫn cho công nhân.

Việc phát triển chất lượng hạ tầng cơ sở hạ tầng sẽ góp phần giúp doanh nghiệp trong quá trình thi đấu hóa chi phí và tiết kiệm chi phí cao, vì những người làm em làm thức đẩy quá trình thu hút vốn vào khu công nghiệp ngày càng cao hơn.

### 3.2.4 Nâng cao quá trình xúc tiến đầu tư

Thường xuyên quan tâm, chăm lo cho các nhà đầu tư sau các hội nghị xúc tiến đầu tư; chú ý liên lạc, giải quyết các vướng mắc mà nhà đầu tư gặp phải. Tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, những lợi ích mà nhà đầu tư có thể đạt được ngoài những lợi ích về mặt thông tin đến các nhà đầu tư.

Kết hợp chặt chẽ với các ban ngành, sở hữu để đưa ra các hoạt động xúc tiến đầu tư trong các lĩnh vực khác nhau như du lịch, thể thao,... Cần mở rộng mối quan hệ với các nhà đầu tư trong nước hay với các nhà đầu tư ngoài nước khai thác mối quan hệ công cộng, tăng cường hợp tác nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư.

Không chỉ quan tâm đến các nhà đầu tư trong nước ngoài mà phải luôn quan tâm đến các doanh nghiệp trong nước, tạo ra sức cạnh tranh giữa các tiêu thụ hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước các nhà đầu tư nước ngoài. Luôn xây dựng môi trường bình đẳng giữa các doanh nghiệp.

Không chú tâm quá nhiều vào các hoạt động xúc tiến đầu tư chỉ quan tâm đến các dự án, chú trọng hình ảnh những người quan tâm đến các hoạt động tái cơ cấu đầu tư của các

doanh nghiệp hiện hành. Đó góp phần trong việc giảm chi phí cho các nhà đầu tư dài hạn.

### 3.2.5 Giảm phát triển kỹ thuật và công nghệ

Trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 có thể cho thấy yếu tố kỹ thuật, công nghệ là một trong những điểm nhấn hàng đầu trong quá trình thu hút vốn đầu tư. Mục tiêu của ngành vận vào các khu công nghiệp thì phải xây dựng một môi trường nghiên cứu, phát triển các hoạt động nghiên cứu khoa học hiện đại, tiên tiến trên thế giới.

Thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp, hỗ trợ và khuyến khích các nhà đầu tư trong quá trình nghiên cứu và phát triển các công nghệ tiên tiến, khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, an toàn và môi trường.

Chính quyền địa phương cần cam kết thực hiện và ban hành các chính sách ưu đãi trong việc mua máy móc, giảm thuế nhập khẩu, giảm thuế giá trị gia tăng chi phí cho các nhà đầu tư. Bên cạnh đó, ngành các doanh nghiệp trong khu công nghiệp nên hiện đại hóa công nghệ dây chuyền sản xuất có thể sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

### 3.2.6 Khuyến khích và hỗ trợ

Vì ảnh hưởng trực tiếp gây cản trở trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp, chính quyền địa phương cần ban hành các chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp và luôn quan tâm, giúp đỡ doanh nghiệp khi cần.

Ban quản lý các khu công nghiệp thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo giao lưu, giới thiệu các thành tựu của các doanh nghiệp. Thúc đẩy xây dựng trang web ngày càng tiên tiến sẵn sàng hỗ trợ, giải đáp một cách nhanh chóng và chính xác.

Thường xuyên đẩy nhanh các quá trình giải phóng mặt bằng, nâng cao hiệu suất công tác, đồng thời các doanh nghiệp thực hiện các báo cáo hoạt động theo tháng, quý năm để ban quản lý địa phương nắm bắt tình hình phát triển một cách kịp thời.

Liên kết với các ngân hàng hiện nay trong nước để đưa ra các chương trình hỗ trợ vay vốn cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư, giảm lãi suất ưu đãi, góp phần giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

## TÓM L I

Ngh quy t i h i i bi u toàn t nh Qu ng Nam l n th XXI ã a ra các m c tiêu t ng quát, nhi m v trong n m 2016-2020 nh m nh h ng phát tri n kinh t - xã h i c a a ph ng. Bên c nh ó ngh quy t còn ch rõ c n phát tri n t p trung các ngành công nghi p then ch t, nâng cao h t ng c s thu hút nhà u t góp ph n t ng tr ng kinh t - xã h i c a vùng.

C n c vào nh h ng phát tri n và m c tiêu, nhi m v mà Ngh quy t a ra chúng tôi a ra các bi n pháp nh m t ng c ng y m nh quá trình thu hút v n u t vào các khu công nghi p . Nh y m nh quá trình x lý các th t c hành chính , n gi n hóa các th t c, ti p t c duy trì h th ng “m t c a liên thông” giúp các doanh nghi p ti t ki m c th i gian và chi phí bên c nh ó giúp các nhà u t thu n l i trong quá trình th m nh d án và c p phép gi y ch ng nh n u t . T ng c ng nâng c p h th ng c s h t ng; ào t o ngu n lao ng có ch t l ng, có trình s giúp cho doanh nghi p có th t n d ng c ngu n nhân l c t i ch , t o công n vi c làm c a lao ng a ph ng góp ph n xây d ng môi tr ng u t ngày càng tiên ti n h n. y m nh các ho t ng xúc ti n u t và h tr các doanh nghi p, các nhà u t trong quá trình th c hi n và ho t ng d án. Luôn ti p thu các k thu t tiên ti n hi n i vào quá trình s n xu t, giúp doanh nghi p, nhà u t có th nâng cao c n ng su t s n ph m.

V i các gi i pháp a ra mong r ng s em l i hi u qu trong quá trình thu hút v n u t t ó góp ph n làm t ng tr ng n n kinh t , y m nh quá trình chuy n d ch c câu kinh t và nâng cao i s ng kinh t - xã h i c a a ph ng.

## **PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **3.1 Kết luận**

Tổng công thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp là một trong những pháp góp phần tăng trưởng kinh tế và phát triển, thúc đẩy phát triển tình hình kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống. Tổng công mục tiêu có chính quyền địa phương có những đóng góp trong công tác quản lý, ban hành, hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư một cách hiệu quả nhất. Tuy nhiên quá trình thu hút vốn đầu tư còn nhiều khó khăn và trở ngại, vì một số lĩnh vực như công nghệ thông tin, tài chính phân tích, khảo sát, đánh giá tình hình thu hút vốn đầu tư này đã đưa ra các giải pháp thúc đẩy quá trình thu hút vốn đầu tư như Quy định Nam.

Tài liệu thể hiện các nhiệm vụ sau:

- Hệ thống các cơ sở lý luận và kinh nghiệm của các nước trên thế giới hay các khu công nghiệp của các nước lân cận. Để làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình thu hút vốn đầu tư, rút ra các bài học kinh nghiệm quý giá cho địa phương. Đưa ra các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của quá trình thu hút vốn đầu tư.

- Làm rõ thực trạng thu hút đầu tư tại các khu công nghiệp ở miền Nam – miền Bắc, khu công nghiệp Thuận Yên, khu công nghiệp Đông Quỳ Sơn. Qua quá trình khảo sát thực địa phân tích những nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình thu hút vốn. Để rút ra những thuận lợi và khó khăn mà các khu công nghiệp đang gặp phải.

- Đưa ra những vấn đề và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội; đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục những khó khăn mà các khu công nghiệp gặp phải và góp phần thu hút vốn đầu tư trong ngoài nước.

Qua quá trình nghiên cứu chúng tôi xin đưa ra các kiến nghị sau giúp cho địa phương hoàn thiện các mục tiêu về kinh tế - xã hội mà Nghị quyết số 01-NQ/HĐNH đưa ra:

### **3.2 Kiến nghị**

Qua quá trình nghiên cứu chúng tôi xin đưa ra các kiến nghị như sau giúp cho địa phương hoàn thiện các mục tiêu về kinh tế - xã hội mà Nghị quyết số 01-NQ/HĐNH đưa ra:

- Không nên sát nhập Ban quản lý khu công nghiệp và Sở công thương bị hạn chế thông tin liên lạc, lưu giữ số liệu mất mát trong quá trình sát nhập. Bên cạnh đó khi có ban quản lý riêng sẽ giúp trong các hoạt động xúc tiến đầu tư hay ban hành các chính sách hỗ trợ.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam có sở h tr v ngân sách th c hi n công tác xây d ng h th ng c s h t ng và gi i phóng m t b ng.
- Sở Công th ng th ng xuyên qu ng bá, hình nh thông tin m i các khu công nghi p ra ngoài a ph ng và th gi i.
- ngh s công th ng xây d ng website ngày càng hi n i, ti n d ng cung c p các thông tin m t cách ti n l i cho các nhà u t .
- ngh s công th ng liên k t v i s giáo d c và o t o a ra các ch ng trình nh h ng ngh nghi p ngay khi còn ng i trên gh nhà tr ng hay nâng c p các thi t b v t t máy móc trong quá trình ào t o.
- Kì n ngh Chính ph h tr trong công tác tì p c n các thành t u khoa h c k thu t tiên ti n, hi n i t n c ngoài.

Tr ng ại học Kinh tế Huế

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Quang Thọ (2018), *Phát triển công nghiệp dệt may Quảng Nam trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ quản lý kinh tế, học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Thị Nhàn (2011), *Giải pháp thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp dệt may Quảng Nam*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, chuyên ngành kinh tế phát triển, trường đại học Đà Nẵng.
3. Nguyễn Thị M. Lan - K43 KH. T, *Tình hình thu hút vốn đầu tư vào khu kinh tế - khu thương mại đặc biệt Lào Bô giai đoạn 2008 - 2012*, khóa luận tốt nghiệp (số 511), trường đại học Kinh tế Huế.
4. Phan Thị Kim Tuyền, *Phân tích thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài Huyện Thăng Bình giai đoạn 2002 - 2007*, Báo cáo nghiên cứu khoa học, trường đại học Kinh tế Huế.
5. Lê Thị Loan - K43 KH. T, *Tình hình thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp dệt may Quảng Nam ở huyện Hòa Thành, tỉnh Quảng Trị*, khóa luận tốt nghiệp (số 525), trường đại học Kinh tế Huế.
6. Lê Thị Thi – K43 KH. T, *Thu hút vốn đầu tư phát triển công nghiệp dệt may trên địa bàn huyện Hòa Lũng, tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2009 - 2011*, khóa luận tốt nghiệp (số 517), trường đại học Kinh tế Huế.
7. Hoàng Phước B. Linh – K43 KH. T, *Giải pháp thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp dệt may Phú Bài, Thành phố Thiên Huế*, khóa luận tốt nghiệp (số 507), trường đại học Kinh tế Huế.
8. Bùi Thị Anh Đào, *Thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp dệt may Thành phố Thiên Huế năm 2012 - 2016*, khóa luận tốt nghiệp (số 643), trường đại học Kinh tế Huế.
9. *Thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp dệt may Huyện Yên Hòa hiện nay* (giai đoạn 2006-2010), trường đại học Kinh tế - trường đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Cục thống kê Quảng Nam (2015), Niên giám thống kê năm 2015, Quảng Nam.
11. Cục thống kê Quảng Nam (2016), Niên giám thống kê năm 2016, Quảng Nam.
12. Cục thống kê Quảng Nam (2017), Niên giám thống kê năm 2017, Quảng Nam.
13. Luật đầu tư năm 2014 của Chính phủ.
14. Bài giảng Kinh tế đầu tư (2011) của Thạc sĩ Hoàng Tú Linh, Trường đại học Kinh tế - trường đại học Huế, trang 77.
15. Nghị quyết Hội nghị Ủy ban Kinh tế Quốc gia lần thứ XXI, Nhiệm kỳ 2015 - 2020.
16. Nghị quyết 29/2008/N. CP, quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất.
17. Nghị quyết số 17/2006/NQ-H. ND và nghị quyết số 951/Q. UBND tỉnh Quảng Nam.
18. Nghị quyết số 218/2013/N. CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật thu thuế Doanh nghiệp.



19. Anh Th , *Bài học về khu kinh tế ở Trung Quốc*, theo báo internet baomoi.com.
20. Quang Huy, *Khu kinh tế - lý thuyết phá (K3): Những hình mẫu sáng*, theo báo internet saigondautu.com
21. Thạc sĩ Vũ Quốc Huy – Phó trưởng quản lý các khu kinh tế, báo kinh tế, *Thu hút đầu tư nước ngoài tại Thái Lan, Malaysia và kinh nghiệm cho Việt Nam*, theo <https://dautunuocngoai.gov.vn/Home/en>
22. Phan Thái Sơn, *Bức Ninh bất phá trong thu hút đầu tư*, theo báo internet nhandan.com.
23. Nguyễn Sơn, *Điểm sáng trong phương thức thu hút đầu tư FDI*, theo báo internet bnews.vn.
24. Bích Thảo, *Kinh nghiệm thu hút đầu tư vào khu kinh tế Vũng Áng*, theo báo internet baodauthau.com.
25. Cổng thông tin internet tỉnh Quảng Nam, <http://www.quangnam.gov.vn>.
26. Cổng thông tin internet Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam, <http://www.dpiqnam.gov.vn>.
27. Cổng thông tin internet Sở Công Thương tỉnh Quảng Nam, <http://congthuong.quangnam.gov.vn>.

PH L C  
Ph l c 1: B NGH I PH NG V N

MS:.....

Kính th a quý Doanh nghi p!

Hi n t i chúng tôi ang nghiê n c u tài “**THU HÚT U T VÀO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP T NH QU NG NAM**”. hoàn thành tài nghiê n c u này chúng tôi có làm b ng h i liên quan n các nhân t nh h ng n vi c thu hút v n u t vào doanh nghi p trong th i gian ho t ng và phát tri n. Vì v y, vui lòng xin quý doanh nghi p dành chút th i gian i n vào phi u i u tra sau ây. C m n s quan tâm và giúp c a quý doanh nghi p.

**Ph n I: THÔNG TIN V DOANH NGHI P**

1. Hi n t i doanh nghi p ang kinh doanh l nh v c nào? (th y h i s n, th ng m i, d ch v , xây d ng, công ngh i n t ,...)

Th y h i s n	<input type="checkbox"/>	Xây d ng	<input type="checkbox"/>
Công ngh i n t	<input type="checkbox"/>	Th ng m i	<input type="checkbox"/>
D ch v	<input type="checkbox"/>	Ch bi n gh	<input type="checkbox"/>

Khác (ghi rõ) : .....

2. Doanh nghi p hi n t i ang có bao nhiêu lao ng ang làm vi c t i doanh nghi p?  
.....

3. Doanh nghi p thu c khu công nghi p nào?

Khu công nghi p i n Nam i n Ng c

Khu công nghi p Thu n Yên

Khu công nghi p ô ng Qu S n

Khu công nghi p Tam Th ng

Khác (vui lòng ghi rõ) : .....

4. Hình th c u t mà doanh nghi p ang th c hi n?

100% V n trong n c

100% V n n c ngoài

Liên doanh

T câu 5– 6 vui lòng đánh dấu “✓” vào ô mà bạn cho là thích hợp.

5. Ông/Bà đánh giá như thế nào về mức quan trọng của các yếu tố bên ngoài KCN (cấp xã/phường) như hình ảnh môi trường thu hút vốn đầu tư?

Các yếu tố	Hoàn toàn không quan trọng	Không quan trọng	Phân vân	Quan trọng	Hoàn toàn quan trọng
1. Vị trí địa lý thu hút lợi cho việc đầu tư phát triển					
2. Điều kiện tự nhiên					
3. Chính sách ưu đãi về thuế, tài chính,...					
4. Thủ tục hành chính					
5. Chính sách xúc tiến thương mại và marketing của QN					
6. Số lượng và chất lượng nguồn lao động					
7. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội					
8. Môi trường đầu tư (1)					
9. Nhân tố khác: (ghi rõ) .....					

(1) Theo bạn trong nhân tố môi trường đầu tư thì yếu tố “môi trường” có tác động như thế nào?

8.1 “Môi trường” giúp các doanh nghiệp thu hút lợi nhuận trong gì quy định thủ tục hành chính?

ng ý  Không ng ý

8.2 Môi trường giúp các doanh nghiệp thu hút lợi nhuận trong việc tiếp cận các thông tin liên lạc cấp xã/phường.

ng ý  Không ng ý

8.3 Doanh nghiệp có thể xuyên nhận các hỗ trợ này của pháp luật không?

Rất dễ dàng xuyên

Thỉnh thoảng

Không nhận các hỗ trợ

6. Ông/Bà đánh giá nhất là vấn đề quan trọng của các yếu tố bên trong KCN như thế nào về việc thu hút vốn đầu tư?

Các yếu tố	Hoàn toàn không quan trọng	Không quan trọng	Phân vân	Quan trọng	Hoàn toàn quan trọng
1. Vấn đề quy hoạch KCN					
2. Vấn đề giải phóng mặt bằng KCN					
3. Các hỗ trợ trong KCN					
4. Hệ thống dịch vụ trong KCN					
5. Chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp vào các KCN					
6. Quản lý nhà nước đối với KCN					

7. Tên doanh nghiệp: .....

8. Địa chỉ: .....

9. Liên hệ: .....

10. Doanh nghiệp hoạt động vào thời gian nào? .....

11. Tổng số vốn đầu tư ban đầu mà doanh nghiệp có là bao nhiêu?

Tổng số vốn đầu tư: .....

Vốn đầu tư trong nước: .....

Vốn đầu tư nước ngoài: .....

**PHẦN II: THÔNG TIN NGƯỜI TRẢ LỜI**

1. Họ và tên : .....
2. Chức vụ : .....
3. Tên cơ quan : .....
4. Địa chỉ : .....
5. Điện thoại : .....
6. Email : .....

**Cảm ơn sự đóng góp quý báu của quý ông bà!**

**Trung tâm Đại học Kinh tế Huế**

Ph 1 c 2: K T Q U X LÝ S LI U B NG SPSS

c i m m u kh o sát

**Linh vực kinh doanh**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Thuy hai san	2	5.0	5.0	5.0
Cong nghe dien tu	1	2.5	2.5	7.5
Dich vu	1	2.5	2.5	10.0
Xay dung	3	7.5	7.5	17.5
Thuong mai	3	7.5	7.5	25.0
Che bien go	1	2.5	2.5	27.5
Khac	29	72.5	72.5	100.0
Total	40	100.0	100.0	

**Doanh nghiệp thuộc KCN**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Dien Nam Dien Ngoc	16	40.0	40.0	40.0
Thuan Yen	5	12.5	12.5	52.5
Dong Que Son	3	7.5	7.5	60.0
Khac	16	40.0	40.0	100.0
Total	40	100.0	100.0	

**Hình thức đầu tư**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 100% Von trong nuoc	31	77.5	77.5	77.5
100% Von nuoc ngoai	8	20.0	20.0	97.5
Lien doanh	1	2.5	2.5	100.0
Total	40	100.0	100.0	

Các y u t c n phân tích c a m u kh o sát

**vi tri dia ly**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Hoàn toàn không quan tr ng	2	5.0	5.0	5.0
Valid Không quan tr ng	1	2.5	2.5	7.5
Valid Quan tr ng	18	45.0	45.0	52.5
Valid Hoàn toàn quan tr ng	19	47.5	47.5	100.0
Total	40	100.0	100.0	

**Dieu kien tu nhien**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Không quan tr ng	1	2.5	2.5	2.5
Valid Quan tr ng	20	50.0	50.0	52.5
Valid Hoàn toàn quan tr ng	19	47.5	47.5	100.0
Total	40	100.0	100.0	

**Chinh sach uu dai**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Hoàn toàn không quan tr ng	1	2.5	2.5	2.5
Valid Không quan tr ng	1	2.5	2.5	5.0
Valid Quan tr ng	9	22.5	22.5	27.5
Valid Hoàn toàn quan tr ng	29	72.5	72.5	100.0
Total	40	100.0	100.0	

**Chính sách xúc tiến thương mại và ưu đãi marketing**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Phân vân	1	2.5	2.5	2.5
Valid Quan tr ̄ng	17	42.5	42.5	45.0
Valid Hoàn toàn quan tr ̄ng	22	55.0	55.0	100.0
Total	40	100.0	100.0	

**Thu tục hành chính**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Hoàn toàn không quan tr ̄ng	1	2.5	2.5	2.5
Valid Quan tr ̄ng	12	30.0	30.0	32.5
Valid Hoàn toàn quan tr ̄ng	27	67.5	67.5	100.0
Total	40	100.0	100.0	

**Số lượng và chất lượng nguồn lao động**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Quan tr ̄ng	12	30.0	30.0	30.0
Valid Hoàn toàn quan tr ̄ng	28	70.0	70.0	100.0
Total	40	100.0	100.0	

**Tình hình phát triển kinh tế xã hội**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Phân vân	2	5.0	5.0	5.0
Valid Quan tr ̄ng	17	42.5	42.5	47.5
Valid Hoàn toàn quan tr ̄ng	21	52.5	52.5	100.0
Total	40	100.0	100.0	



**Moi truong dau tu**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Phân vân	1	2.5	2.5	2.5
Valid Quan tr ̄ng	14	35.0	35.0	37.5
Valid Hoàn toàn quan tr ̄ng	25	62.5	62.5	100.0
Total	40	100.0	100.0	

**Van de quy hoach KCN**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Hoàn toàn không quan tr ̄ng	1	2.5	2.5	2.5
Valid Phân vân	1	2.5	2.5	5.0
Valid Quan tr ̄ng	17	42.5	42.5	47.5
Valid Hoàn toàn quan tr ̄ng	21	52.5	52.5	100.0
Total	40	100.0	100.0	

**Van de giai phong mat bang**

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid Hoàn toàn không quan tr ̄ng	1	2.5	2.5	2.5
Valid Phân vân	2	5.0	5.0	7.5
Valid Quan tr ̄ng	17	42.5	42.5	50.0
Valid Hoàn toàn quan tr ̄ng	20	50.0	50.0	100.0
Total	40	100.0	100.0	

### He thong dich vu trong KCN

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Hoàn toàn không quan tr ̄ng	1	2.5	2.5	2.5
Không quan tr ̄ng	1	2.5	2.5	5.0
Valid Phân vân	1	2.5	2.5	7.5
Quan tr ̄ng	17	42.5	42.5	50.0
Hoàn toàn quan tr ̄ng	20	50.0	50.0	100.0
Total	40	100.0	100.0	

### Co so ha tang trong KCN

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Phân vân	1	2.5	2.5	2.5
Valid Quan tr ̄ng	12	30.0	30.0	32.5
Hoàn toàn quan tr ̄ng	27	67.5	67.5	100.0
Total	40	100.0	100.0	

### Quan ly nha nuoc

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Không quan tr ̄ng	2	5.0	5.0	5.0
Phân vân	4	10.0	10.0	15.0
Valid Quan tr ̄ng	16	40.0	40.0	55.0
Hoàn toàn quan tr ̄ng	18	45.0	45.0	100.0
Total	40	100.0	100.0	